

# THAM LUẬN

HỘI NGHỊ TOÀN QUỐC THÚC ĐẨY TRIỂN KHAI  
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ  
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO  
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI  
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

*Hà Nội, tháng 7 năm 2026*



## **DANH SÁCH THAM LUẬN**

### **I THAM LUẬN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG**

- 1 Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động nhân dân; giám sát, phản biện xã hội và đánh giá sự hài lòng của người dân trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030

*Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam*

- 2 Đào tạo đại học, sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035

*Bộ giáo dục và đào tạo*

- 3 Giải pháp phát huy vai trò của các đơn vị quân đội trong tham gia, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, gắn với củng cố quốc phòng, an ninh thuộc hợp phần thứ hai của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030

*Bộ Quốc phòng*

- 4 Định hướng giải pháp lồng ghép chương trình MTQG về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

*Bộ Y tế*

- 5 Giải pháp thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 trên nền tảng phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số

*Cục văn hóa các dân tộc Việt Nam - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*

### **II THAM LUẬN CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG**

- 1 Phát triển sinh kế bền vững, ổn định đời sống đồng bào dân tộc thiểu số gắn với giảm nghèo đa chiều tại địa bàn biên giới, vùng đặc biệt khó khăn

*Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng*

- 2 Phát triển sinh kế bền vững, ổn định đời sống đồng bào dân tộc thiểu số gắn với giảm nghèo đa chiều tại địa bàn biên giới, vùng đặc biệt khó khăn

*Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên*

- 3 Phát triển kinh tế nông thôn tuần hoàn, tích hợp đa giá trị gắn với sản phẩm ocop, làng nghề và du lịch nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

*Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ*

- 4 Kiện toàn tổ chức chỉ đạo, điều phối và tham mưu **triển khai Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 theo hướng** thống nhất, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng sau sắp xếp đơn vị hành chính  
*Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng*
- 5 Kiện toàn tổ chức chỉ đạo, điều phối và tham mưu **triển khai Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 theo hướng** thống nhất, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả  
*Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị*
- 6 **Giải pháp tháo gỡ điểm nghẽn trong tổ chức thực hiện, giải ngân vốn chuyển nguồn của các chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 trong năm 2026**  
*Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn*
- 7 **Giải pháp tháo gỡ điểm nghẽn trong tổ chức thực hiện, giải ngân vốn chuyển nguồn của các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trong năm 2026**  
*Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An*
- 8 Phát triển kinh tế nông thôn theo chuỗi giá trị, gắn vùng nguyên liệu với chế biến, logistics và thị trường tiêu thụ nông sản  
*Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng*
- 9 Thực hiện phân cấp, phân quyền trong triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026 - 2030 theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp: phát huy vai trò chủ động, linh hoạt và trách nhiệm của địa phương  
*Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh*
- 10 Một số kết quả bước đầu trong việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026 - 2030, kết quả thực hiện phân cấp, phân quyền theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp trong việc tổ chức thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp  
*Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp*
- 11 Thực hiện phân cấp, phân quyền trong triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp: phát huy vai trò chủ động, linh hoạt và trách nhiệm của thành phố Cần Thơ  
*Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ*
- 12 Kết quả cụ thể hóa bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang  
*Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang*

**THAM LUẬN  
CỦA CÁC BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG**



## **ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MTTQ VIỆT NAM**

### **PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG NHÂN DÂN; GIÁM SÁT, PHẢN BIỆN XÃ HỘI VÀ ĐÁNH GIÁ SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN TRONG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

Chương trình mục tiêu quốc gia (*sau đây viết tắt là MTQG*) xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (*sau đây viết tắt là DTTS&MN*) là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, có ý nghĩa chiến lược trong phát triển đất nước nhanh và bền vững; góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng miền, phát huy dân chủ, nâng cao chất lượng sống cho người dân. Trong quá trình triển khai thực hiện các Chương trình MTQG, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đã khẳng định rõ vai trò nòng cốt trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân; phát huy dân chủ ở cơ sở; tổ chức giám sát, phản biện xã hội và đánh giá sự hài lòng của người dân; góp phần tạo sự đồng thuận xã hội, huy động sức dân và nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện Chương trình.

Giai đoạn 2021 - 2025, hệ thống Mặt trận các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội đã tích cực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; bám sát cơ sở, phát huy vai trò chủ thể của người dân trong thực hiện các Chương trình MTQG và đạt được nhiều kết quả quan trọng.

*Thứ nhất*, công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tiếp tục được đổi mới, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng dân cư.

Hệ thống Mặt trận các cấp đã đẩy mạnh tuyên truyền thông qua hội nghị, sinh hoạt khu dân cư, hệ thống truyền thanh cơ sở, các nền tảng mạng xã hội, mô hình tự quản cộng đồng; phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín, chức sắc tôn giáo trong vận động Nhân dân. Theo báo cáo tổng kết giai đoạn 2021 - 2025, Mặt trận các cấp đã phối hợp tổ chức trên 16.200 cuộc tuyên truyền với hơn 17,3 triệu lượt người tham dự; đăng tải hơn 72.300 tin, bài tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới và các phong trào thi đua yêu nước. Thông qua công tác tuyên truyền, nhận thức của người dân về vai trò chủ thể trong xây dựng nông thôn mới từng bước được nâng lên; nhiều mô hình tự quản, mô hình khu dân cư sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh trật tự, xây dựng đời sống văn hóa được triển khai hiệu quả. Người dân tích cực hiến đất, đóng góp ngày công, kinh phí xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn; chủ động tham gia các hoạt động an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và chuyển đổi số cộng đồng. Giai

đoạn 2010 - 2025, Mặt trận các cấp và các tổ chức thành viên đã vận động Nhân dân hiến trên 98 triệu m<sup>2</sup> đất để xây dựng đường giao thông nông thôn và các công trình dân sinh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

*Thứ hai*, công tác giám sát và phản biện xã hội tiếp tục được tăng cường, góp phần bảo đảm công khai, minh bạch trong thực hiện Chương trình.

Thực tiễn cho thấy, ở đâu phát huy tốt vai trò giám sát của Nhân dân, Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thì ở đó việc triển khai các công trình, dự án minh bạch hơn, hạn chế thất thoát, lãng phí và tạo được niềm tin trong Nhân dân. Trong giai đoạn 2021 - 2025, Mặt trận các cấp đã tổ chức hơn 54.417 cuộc giám sát liên quan đến xây dựng nông thôn mới; tập trung vào các nội dung như quản lý nguồn lực đầu tư, thực hiện chính sách giảm nghèo, giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, bảo vệ môi trường và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Cùng với đó, Mặt trận các cấp đã tổ chức 17.599 cuộc phản biện xã hội đối với các cơ chế, chính sách liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn; qua đó góp phần tháo gỡ nhiều khó khăn, bất cập từ thực tiễn cơ sở, nâng cao hiệu quả thực thi chính sách. Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng từng bước được củng cố; vai trò giám sát trực tiếp của người dân trong cộng đồng dân cư ngày càng được phát huy rõ nét.

*Thứ ba*, việc tổ chức lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân tiếp tục được triển khai nền nếp, thực chất, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

Việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân không chỉ là điều kiện trong quá trình xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới mà còn là hình thức giám sát trực tiếp của Nhân dân; là kênh đánh giá khách quan, thực chất về mức độ thụ hưởng của người dân đối với kết quả thực hiện Chương trình. Theo báo cáo tổng hợp, từ tháng 9/2022 đến tháng 5/2025, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã chủ trì tổ chức lấy trên 15,6 triệu phiếu ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới; tỷ lệ hài lòng trung bình đạt trên 91% đối với cấp xã, trên 93% đối với cấp huyện và trên 95% đối với cấp tỉnh. Quá trình tổ chức lấy ý kiến cơ bản bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; phát huy tốt vai trò của Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư và sự tham gia trực tiếp của người dân. Thông qua việc lấy ý kiến, nhiều nội dung người dân còn băn khoăn, chưa hài lòng đã được tổng hợp, phản ánh kịp thời để cấp ủy, chính quyền xem xét, giải quyết.

Từ thực tiễn triển khai giai đoạn vừa qua cho thấy, nơi nào phát huy tốt vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, nơi đó tạo được sự đồng thuận xã hội cao, huy động được sức dân, phát huy được vai trò chủ thể của người dân và nâng cao chất lượng thực hiện các Chương trình MTQG.

Giai đoạn 2026 - 2030 yêu cầu đặt ra là phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức

chính trị - xã hội theo hướng gần dân, sát cơ sở, lấy người dân làm trung tâm, chủ thể của quá trình phát triển; đẩy mạnh chuyển đổi số; nâng cao chất lượng giám sát, phản biện xã hội và phát huy dân chủ ở cơ sở.

Để thực hiện hiệu quả các mục tiêu của Chương trình trong giai đoạn mới, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

*Một là*, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân.

Công tác tuyên truyền cần lấy người dân làm trung tâm, lấy khu dân cư làm địa bàn trọng tâm triển khai; nội dung tuyên truyền phải ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với từng vùng miền, từng nhóm đối tượng, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong công tác tuyên truyền thông qua nền tảng số, mạng xã hội...; phát huy vai trò của tổ công nghệ số cộng đồng, Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư trong hướng dẫn người dân tiếp cận thông tin, dịch vụ công và tham gia thực hiện Chương trình.

Tiếp tục triển khai hiệu quả Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*” gắn với các phong trào thi đua yêu nước; chú trọng xây dựng và nhân rộng mô hình “*Khu dân cư đoàn kết, an toàn, ấm no, hạnh phúc*”, phát huy tinh thần tự quản, tự giác và trách nhiệm cộng đồng của người dân. Tập trung nhiệm vụ trọng tâm phong trào “*Toàn dân chung tay bảo vệ môi trường, vì một Việt Nam xanh - sạch - đẹp*” được phát động triển khai rộng rãi trên phạm vi toàn quốc, với kỳ vọng tạo bước chuyển biến tích cực từ các hộ gia đình, khu dân cư đến cơ quan, doanh nghiệp và chính quyền cơ sở, đây một trọng những vấn đề đang được toàn xã hội quan tâm hiện nay.

*Hai là*, nâng cao chất lượng công tác giám sát và phản biện xã hội.

Mặt trận các cấp và các tổ chức thành viên cần tập trung giám sát việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực đầu tư cho các Chương trình MTQG; giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào DTTS và các đối tượng yếu thế; giám sát việc thực hiện dân chủ ở cơ sở và các nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân. Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; tăng cường sự tham gia trực tiếp của người dân trong giám sát các công trình, dự án tại địa phương. Cùng với đó, hoạt động phản biện xã hội cần được thực hiện thực chất, khoa học, khách quan; chú trọng phản biện đối với các đề án, cơ chế, chính sách có tác động trực tiếp đến đời sống Nhân dân; kịp thời tổng hợp, phản ánh các ý kiến, kiến nghị từ cơ sở với cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Đặc biệt, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác giám sát, phản biện xã hội; xây dựng các kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân trên nền tảng số; công khai kết quả giám sát đề Nhân dân theo dõi, tham gia góp ý và giám sát.

*Ba là*, tiếp tục nâng cao chất lượng việc lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân.

Trong giai đoạn tới, cần tiếp tục đổi mới phương thức tổ chức lấy ý kiến theo hướng ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số và nền tảng trực tuyến nhằm nâng cao hiệu quả tổng hợp, quản lý và phân tích dữ liệu; đồng thời, vẫn bảo đảm quyền tham gia của người dân ở vùng sâu, vùng xa, người không có điều kiện tiếp cận công nghệ số.

Mở rộng nội dung đánh giá không chỉ đối với kết quả xây dựng nông thôn mới mà còn đối với chất lượng phục vụ người dân, hiệu quả quản trị ở cơ sở, môi trường sống, an sinh xã hội, chuyển đổi số và mức độ hài lòng của người dân sau công nhận đạt chuẩn. Lấy sự hài lòng của người dân là thước đo quan trọng đánh giá chất lượng, tính bền vững của kết quả thực hiện các Chương trình MTQG.

*Bốn là*, đẩy mạnh chuyển đổi số trong thực hiện Chương trình, trọng tâm là xây dựng mô hình “thôn số”, “khu dân cư số” được triển khai ở cơ sở nhằm tập trung hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến và các ứng dụng phục vụ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, phản ánh kiến nghị của người dân. Đồng thời, xây dựng cơ sở dữ liệu số phục vụ công tác quản lý, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình gắn với nâng cao chất lượng đời sống người dân và hiệu quả quản trị ở cơ sở, qua đó từng bước hình thành cộng đồng dân cư thích ứng với chuyển đổi số.

*Năm là*, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Mặt trận và tăng cường phối hợp trong tổ chức thực hiện.

Thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng cho đội ngũ cán bộ Mặt trận, Ban Công tác Mặt trận, Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng giám sát, phản biện xã hội và nắm bắt dư luận xã hội. Tăng cường phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với chính quyền, các cơ quan chuyên môn và các tổ chức thành viên trong triển khai thực hiện Chương trình; kịp thời tháo gỡ khó khăn, giải quyết các kiến nghị chính đáng của Nhân dân. Đồng thời, chú trọng sơ kết, tổng kết, nhân rộng các mô hình hiệu quả, cách làm sáng tạo, kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong thực hiện Chương trình, nhất là hoạt động biểu dương, khen thưởng đối với hộ gia đình thoát nghèo, phát triển kinh tế trong đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động Nhân dân; giám sát, phản biện xã hội và đánh giá sự hài lòng của người dân là yêu cầu, nhiệm vụ trọng tâm, đồng thời là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện Chương trình MTQG giai đoạn 2026 - 2030.

Để tăng cường công tác phối hợp nâng cao hiệu quả công tác triển khai thực hiện Chương trình thời gian tới, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có một số kiến nghị sau:

1. Đề nghị Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương tiếp tục kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện; tăng cường đầu tư hạ tầng số ở cơ sở; hỗ trợ triển khai mô hình “thôn số”, “khu dân cư số”, nâng cao năng lực hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng nhằm tạo điều kiện để người dân tham gia hiệu quả vào quá trình chuyển đổi số và thực hiện Chương trình.

2. Đề nghị các cấp ủy, chính quyền địa phương tiếp tục quan tâm tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phát huy vai trò tuyên truyền, vận động, giám sát, phản biện xã hội; kịp thời giải quyết các ý kiến, kiến nghị chính đáng của Nhân dân, góp phần nâng cao chất lượng và tính bền vững của các Chương trình MTQG.

Với tinh thần đổi mới và quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị cùng sự đồng thuận, tích cực tham gia của Nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam tin tưởng rằng các mục tiêu của Chương trình sẽ được thực hiện thắng lợi, thực hiện hiệu quả công tác giảm nghèo, phát triển kinh tế vùng đồng bào DTTS&MN, xây dựng nông thôn phát triển toàn diện, bền vững, văn minh, hiện đại, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân trong kỷ nguyên mới.



## **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

# **ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, SAU ĐẠI HỌC ĐÁP ỨNG NHU CẦU NHÂN LỰC CHO VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2035**

## **I. BỐI CẢNH VÀ YÊU CẦU**

Vùng đồng bào DTTS&MN có trên 14 triệu người, chiếm khoảng 14,7% dân số cả nước, giữ vị trí chiến lược về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo tồn văn hóa dân tộc. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách phát triển giáo dục, đào tạo, tạo nguồn nhân lực cho vùng DTTS&MN; nhiều học sinh, sinh viên người DTTS đã trưởng thành, trở thành cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên, bác sĩ, kỹ sư và lực lượng nòng cốt tại địa phương.

Tuy nhiên, nguồn nhân lực trình độ cao người DTTS (*trình độ đại học, sau đại học*) vẫn còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng. Theo kết quả Tổng điều tra 53 DTTS (2024) cho thấy, nhóm lao động có trình độ từ cao đẳng trở lên chỉ đạt: 131.107 người (1,84%); đại học trở lên: 383.255 người (5,39%). Tổng cộng chỉ có khoảng 514.362 người, tương đương 7,24% lực lượng lao động DTTS có việc làm đạt trình độ cao đẳng hoặc đại học trở lên. Con số này cho thấy nguồn nhân lực chất lượng cao của vùng DTTS còn rất hạn chế. Đặc biệt, tỷ lệ lao động có trình độ đại học trở lên chỉ đạt khoảng 5,4%, thấp hơn đáng kể so với mặt bằng chung của cả nước. Đây là một thách thức lớn đối với mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên, nhân viên y tế, kỹ sư, chuyên gia và nhà quản lý là người DTTS phục vụ phát triển địa phương trong bối cảnh hiện nay.

Năm 2024, sinh viên DTTS chỉ chiếm khoảng 6,54% tổng số sinh viên đại học; học viên cao học và nghiên cứu sinh DTTS chiếm khoảng 3,51%; giảng viên đại học là người DTTS chỉ chiếm khoảng 1,3% tổng số giảng viên đại học cả nước. Trong khi đó, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và triển khai các Chương trình MTQG đang đặt ra nhu cầu rất lớn về nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, công nghệ thông tin, nông nghiệp, tài chính, quản lý nhà nước, khoa học và công nghệ.

Do đó, việc phát triển nguồn nhân lực trình độ cao cho vùng DTTS&MN cần được xác định là nhiệm vụ chiến lược nhằm tạo nguồn cán bộ, chuyên gia, trí thức người DTTS, góp phần phát triển nhanh và bền vững vùng DTTS&MN giai đoạn 2026 - 2035.

## **II. THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, SAU ĐẠI HỌC ĐỐI VỚI NGƯỜI DTTS**

### **1. Thực trạng nguồn tuyển sinh**

Những năm qua, hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, dự bị đại học dân tộc cùng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đã góp phần mở rộng cơ hội học tập cho học sinh DTTS.

Tuy nhiên, nguồn tuyển sinh cho giáo dục đại học còn hạn chế. Tỷ lệ học sinh DTTS đi học trung học phổ thông chỉ đạt khoảng 50,7%; tỷ lệ đi học đúng tuổi đạt khoảng 47%. Tình trạng bỏ học hoặc không tiếp tục học sau trung học cơ sở vẫn diễn ra ở nhiều địa phương vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Chất lượng giáo dục phổ thông, điều kiện học tập, khả năng tiếp cận công nghệ thông tin và ngoại ngữ của học sinh DTTS còn khoảng cách đáng kể so với khu vực đô thị và đồng bằng.

Cũng theo kết quả Tổng điều tra 53 DTTS (2024) cho thấy, nguồn tuyển cho giáo dục đại học của vùng DTTS&MN còn tương đối hẹp do tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông mới đạt khoảng 24,2% trong lực lượng dân số trên 15 tuổi. Điều này đòi hỏi tiếp tục củng cố chất lượng giáo dục phổ thông, đặc biệt tại các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú và các địa bàn đặc biệt khó khăn.

Những yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp đến quy mô và chất lượng nguồn tuyển sinh cho giáo dục đại học trong dài hạn.

## **2. Thực trạng đào tạo đại học và sau đại học**

### *2.1. Về đào tạo đại học:*

Cơ hội tiếp cận giáo dục đại học của người DTTS đã từng bước được cải thiện nhờ các chính sách ưu tiên tuyển sinh, cử tuyển, đào tạo dự bị đại học, hỗ trợ học phí, tín dụng học tập và học bổng.

Năm 2024, cả nước có khoảng 117 nghìn sinh viên DTTS đang học đại học, chiếm 6,54% tổng số sinh viên. Tuy nhiên, tỷ lệ này còn thấp so với tỷ trọng dân số DTTS (14,7%).

Về cơ cấu ngành đào tạo, sinh viên DTTS chủ yếu tập trung ở các ngành sư phạm, sức khỏe, nông lâm nghiệp và khoa học xã hội. Trong khi đó, tỷ lệ tham gia các ngành có nhu cầu cao như công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, công nghệ kỹ thuật, tài chính - ngân hàng còn hạn chế. Bên cạnh đó, nhiều sinh viên DTTS vẫn gặp khó khăn về điều kiện kinh tế, kỹ năng học tập, ngoại ngữ và công nghệ thông tin; mối liên kết giữa đào tạo với nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương còn chưa chặt chẽ.

### *2.2. Về đào tạo sau đại học:*

Trong những năm qua, công tác giáo dục đào tạo đã góp phần hình thành đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, nhà khoa học và chuyên gia người DTTS. Tuy nhiên, quy mô đào tạo còn nhỏ.

Năm 2024, học viên cao học và nghiên cứu sinh người DTTS chỉ chiếm khoảng 3,51% tổng số học viên cao học và nghiên cứu sinh cả nước. Tỷ lệ giảng viên đại học là người DTTS chỉ đạt khoảng 1,3%.

Người DTTS học sau đại học chủ yếu tập trung ở các ngành giáo dục, quản lý, nông nghiệp, y tế và khoa học xã hội; số lượng theo học các ngành khoa học công nghệ, kỹ thuật, công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo còn rất ít.

Các rào cản chính gồm:

- Nguồn tuyển đầu vào hạn chế;
- Điều kiện kinh tế khó khăn;
- Môi trường nghiên cứu khoa học tại địa phương còn hạn chế;
- Thiếu cơ chế thu hút, sử dụng và trọng dụng nhân lực trình độ cao;
- Cơ hội phát triển nghề nghiệp sau đào tạo chưa thực sự hấp dẫn.

### **3. Về chính sách đào tạo nhân lực có trình độ đại học, sau đại học người DTTS**

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS&MN, trong đó trọng tâm là mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục, nâng cao trình độ học vấn, đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và xây dựng đội ngũ trí thức người DTTS. Các chính sách như: Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các DTTS giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia (*MTQG*) phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030; cùng hệ thống chính sách cử tuyển, dự bị đại học, trường phổ thông dân tộc nội trú và các chính sách hỗ trợ người học đã tạo ra những chuyển biến tích cực đối với chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS&MN.

Các chính sách trong thời gian qua góp phần nâng cao khả năng tiếp cận và chất lượng giáo dục và đào tạo của vùng DTTS&MN. Chất lượng giáo dục phổ thông của người DTTS cũng có những chuyển biến tích cực. Tỷ lệ người DTTS từ 15 tuổi trở lên tốt nghiệp trung học phổ thông đạt khoảng 21,8%. Đây là nguồn đầu vào quan trọng cho giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và các chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc thiểu số đã góp phần đáng kể trong việc duy trì sĩ số, giảm tỷ lệ bỏ học và tạo nguồn học sinh cho các bậc học cao hơn.

Năm 2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2776/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao người DTTS trong một số ngành, lĩnh vực trọng điểm giai đoạn 2026 - 2035, định hướng đến năm 2045”. Đề án đặt mục tiêu mở rộng công bằng trong tiếp cận giáo dục chất lượng cao, tạo điều kiện để người DTTS được học tập trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm có nhu cầu nhân lực cao. Trong giai đoạn 2026 - 2035, Đề án phấn đấu tuyển mới hằng năm từ 2.000 đến 2.500 sinh viên trình độ cao đẳng, đại học; trong đó thu hút từ 1.000 đến 1.500 sinh viên có tiềm năng để đào tạo, hình thành lực lượng lao động, cán bộ nòng cốt phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN. Tỷ lệ người học theo các nhóm ngành sức khỏe dự kiến đạt từ 7-10%, nông - lâm nghiệp từ 5-10%, du lịch từ 5-10%, còn lại thuộc các ngành, lĩnh vực khác. Bên cạnh đó, quy mô đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ là người DTTS

phần đầu tăng tối thiểu 10% mỗi năm; quy mô tuyển sinh đào tạo dự bị đại học cũng phần đầu tăng ít nhất 10% hằng năm.

### III. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Qua đánh giá thực trạng cho thấy một số vấn đề lớn cần giải quyết trong giai đoạn tới:

*Thứ nhất*, khoảng cách tiếp cận giáo dục trình độ cao giữa người DTTS và mặt bằng chung cả nước còn lớn. Tính đến ngày 01/7/2024, cả nước có khoảng 7,11 triệu người DTTS từ 15 tuổi trở lên đang có việc làm. Trong số này, có tới 758.832 người chưa bao giờ đi học, chiếm khoảng 10,7% tổng số lao động có việc làm. Bên cạnh đó, 906.605 người chỉ học dưới tiểu học, tương đương 12,8%. Như vậy, tổng cộng khoảng 1,67 triệu lao động DTTS (23,5%) có trình độ học vấn dưới tiểu học hoặc chưa từng đi học. Đây là tỷ lệ khá cao trong bối cảnh yêu cầu về kỹ năng và trình độ lao động ngày càng tăng, cho thấy thực tế những khó khăn kéo dài trong tiếp cận giáo dục của một bộ phận đông bào DTTS, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa và vùng đặc biệt khó khăn.

*Thứ hai*, nhiều địa phương vùng DTTS&MN đang thiếu hụt nghiêm trọng nguồn nhân lực chất lượng cao tại chỗ. Chất lượng nguồn nhân lực còn thấp khi gần 73% lao động chưa có trình độ chuyên môn kỹ thuật.

Vì vậy, đào tạo đại học và sau đại học cần được đặt trong tổng thể phát triển nguồn nhân lực, gắn với đào tạo nghề, đào tạo kỹ năng và học tập suốt đời. Đặc biệt là nguồn nhân lực trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, công nghệ thông tin, quản lý nhà nước và khoa học công nghệ.

Nguồn nhân lực trình độ cao còn thiếu hụt rõ rệt, thể hiện ở tỷ lệ lao động có trình độ cao đẳng, đại học trở lên chỉ đạt 7,24%. Đây chính là cơ sở thực tiễn quan trọng để tiếp tục duy trì và đổi mới các chính sách cử tuyển, dự bị đại học, học bổng, hỗ trợ sinh viên DTTS và xây dựng các chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ có địa chỉ sử dụng nhằm tạo nguồn cán bộ, chuyên gia và đội ngũ trí thức người dân tộc thiểu số trong giai đoạn tới.

*Thứ ba*, cơ cấu ngành đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu phát triển mới, nhất là các ngành liên quan đến chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và kinh tế tri thức.

*Thứ tư*, chưa hình thành được đội ngũ trí thức, chuyên gia và nhà khoa học người DTTS có quy mô đủ lớn để dẫn dắt phát triển địa phương.

*Thứ năm*, mối liên kết giữa đào tạo và sử dụng nhân lực chưa hiệu quả; cơ chế đặt hàng đào tạo, dự báo nhu cầu nhân lực và thu hút người học trở về địa phương còn hạn chế.

*Thứ sáu*, chính sách hiện hành chủ yếu hỗ trợ tiếp cận giáo dục, chưa có các cơ chế đủ mạnh để phát hiện, bồi dưỡng và phát triển nhân tài người DTTS.

### IV. NHU CẦU NHÂN LỰC NGƯỜI DTTS GIAI ĐOẠN 2026 - 2035

Trong bối cảnh cả nước đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển khoa học công

nghệ, đổi mới sáng tạo và triển khai các chương trình MTQG, vùng đồng bào DTTS&MN đang đứng trước yêu cầu cấp thiết phải nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học. Cụ thể:

*Một là*, nguồn nhân lực có trình độ đại học, sau đại học không chỉ nhằm bổ sung đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại chỗ mà còn hướng tới hình thành lực lượng chuyên gia, trí thức và nhân lực chất lượng cao có khả năng dẫn dắt phát triển địa phương. Trong thời gian tới, các địa phương vùng DTTS&MN sẽ cần số lượng lớn nhân lực trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, khoa học công nghệ, công nghệ thông tin, chuyển đổi số, nông nghiệp công nghệ cao, quản lý tài nguyên môi trường, tài chính, quản trị công và phát triển cộng đồng. Đây là những lĩnh vực trực tiếp quyết định năng lực quản trị, chất lượng dịch vụ công, năng suất lao động và khả năng tham gia vào nền kinh tế số của khu vực miền núi và vùng đồng bào DTTS.

*Hai là*, bên cạnh nhu cầu về số lượng, yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cũng ngày càng trở nên cấp thiết. Quá trình phát triển nhanh và bền vững vùng DTTS&MN đòi hỏi phải hình thành đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên, giáo viên, bác sĩ, kỹ sư, chuyên gia và nhà khoa học là người DTTS có trình độ chuyên môn cao, am hiểu điều kiện thực tiễn địa phương và có khả năng tiếp cận tri thức mới của thế giới. Do đó, bên cạnh việc mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục đại học, cần đặc biệt chú trọng phát triển đội ngũ thạc sĩ, tiến sĩ và chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực then chốt, tạo nền tảng xây dựng lực lượng trí thức người DTTS đủ mạnh để tham gia hoạch định chính sách, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và dẫn dắt phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương trong giai đoạn mới.

## **V. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ**

### **1. Định hướng**

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao người DTTS gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN; lấy đào tạo đại học và sau đại học làm nền tảng hình thành đội ngũ cán bộ, chuyên gia, trí thức và nhà khoa học người DTTS.

### **2. Giải pháp chủ yếu**

*Thứ nhất, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao người DTTS theo hướng đồng bộ từ tạo nguồn, đào tạo đến sử dụng.* Trên cơ sở rà soát các chính sách hiện hành, cần bổ sung các cơ chế đủ mạnh để phát hiện, bồi dưỡng và phát triển nhân tài người dân tộc thiểu số; đồng thời, mở rộng chính sách học bổng, tín dụng ưu đãi và hỗ trợ học tập đối với những ngành đào tạo có nhu cầu cao và có vai trò chiến lược đối với phát triển vùng DTTS&MN.

*Thứ hai, cần nâng cao chất lượng nguồn tuyển sinh cho giáo dục đại học và sau đại học* thông qua việc tăng cường công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh ngay từ giáo dục phổ thông; tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục tại các địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa và vùng đặc biệt khó khăn; đồng thời phát huy vai trò của hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và các trường dự bị đại học dân tộc trong việc tạo nguồn học sinh có chất lượng cho giáo dục đại học.

*Thứ ba, công tác đào tạo đại học và sau đại học cần được đổi mới theo hướng gắn chặt với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương và yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Trọng tâm là ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực cho các lĩnh vực chuyển đổi số, khoa học công nghệ, giáo dục, y tế, nông nghiệp công nghệ cao, quản trị công và các ngành có khả năng tạo ra giá trị gia tăng cao cho địa phương của vùng DTTS&MN. Đồng thời, cần đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục đại học, phát triển học liệu số, tăng cường đào tạo trực tuyến và đào tạo kết hợp nhằm mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục chất lượng cho người học ở vùng khó khăn.*

*Thứ tư, để tạo bước đột phá về chất lượng nguồn nhân lực, cần có chính sách riêng nhằm phát triển đội ngũ thạc sĩ, tiến sĩ, nhà khoa học và chuyên gia người DTTS. Nhà nước cần tăng cường hỗ trợ đào tạo sau đại học trong nước và ngoài nước đối với những lĩnh vực ưu tiên; hình thành các chương trình phát triển trí thức trẻ người DTTS; đồng thời, khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ gắn với giải quyết các vấn đề thực tiễn của vùng DTTS&MN.*

*Thứ năm, tăng cường gắn kết giữa đào tạo và sử dụng nhân lực. Các địa phương cần chủ động dự báo nhu cầu nhân lực, đặt hàng đào tạo theo vị trí việc làm và lĩnh vực ưu tiên; các cơ sở giáo dục đại học cần tăng cường phối hợp với địa phương và doanh nghiệp trong quá trình đào tạo. Đồng thời, cần xây dựng các chính sách đủ hấp dẫn về môi trường làm việc, thu nhập, cơ hội phát triển nghề nghiệp và điều kiện sinh hoạt nhằm thu hút, giữ chân sinh viên, học viên sau đại học là người DTTS trở về công tác lâu dài tại địa phương.*

*Thứ sáu, tiếp tục huy động mạnh mẽ các nguồn lực từ Nhà nước, địa phương, doanh nghiệp và các tổ chức quốc tế cho phát triển nguồn nhân lực vùng DTTS&MN. Việc mở rộng hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đại học với địa phương, doanh nghiệp, viện nghiên cứu và các đối tác quốc tế sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, tăng khả năng tiếp cận công nghệ mới và tạo thêm cơ hội học tập, nghiên cứu cho người học là đồng bào DTTS.*

### **3. Kiến nghị**

Đề nghị Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương và các cơ sở giáo dục đại học ưu tiên nguồn lực để triển khai các chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao người DTTS; coi đây là một trong những giải pháp chiến lược nhằm thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, bền vững vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026 - 2035 và tầm nhìn đến năm 2045.

## **BỘ QUỐC PHÒNG**

### **GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CÁC ĐƠN VỊ QUÂN ĐỘI TRONG THAM GIA, HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN, GẮN VỚI CƯỜNG CỐ QUỐC PHÒNG, AN NINH THUỘC HỢP PHẦN THỨ HAI CỦA CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN GIAI ĐOẠN 2026 - 2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030**

Trong thời gian qua, các đơn vị trong toàn quân đã tích cực chủ động triển khai thực hiện 03 Chương trình MTQG đạt được nhiều kết quả quan trọng. Giúp Nhân dân phát triển sản xuất, góp phần tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa; khai thác tiềm năng đất đai, tạo ra sản phẩm phục vụ cho nhu cầu tại chỗ và vùng lân cận. Từng bước làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của Nhân dân trong áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phát triển kinh tế; nhiều hộ dân đã nỗ lực tìm tòi, học tập kinh nghiệm áp dụng các mô hình chăn nuôi, trồng trọt; tranh thủ sự hỗ trợ của Nhà nước, Quân đội, tích cực lao động sản xuất để cải thiện điều kiện sống, thoát nghèo, vươn lên sản xuất giỏi, tiến tới làm giàu trên chính mảnh đất quê hương mình... góp phần tích cực ổn định dân cư, khắc phục tình trạng di dân tự do; xây dựng Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, an ninh biên giới, góp phần đấu tranh có hiệu quả các hoạt động: Truyền đạo trái pháp luật, thủ đoạn của các thế lực thù địch nhằm chia rẽ, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo đồng bào tham gia hoạt động chống đối Đảng, Nhà nước. Tạo nên những điểm sáng, củng cố thêm sự vững chắc, bình yên nơi “phên dậu quốc gia”; được Đảng, Nhà nước, cấp ủy, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể các cấp ghi nhận và đánh giá cao...

Chương trình MTQG là một trong những nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội quan trọng tại vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo; các nội dung do Quân đội thực hiện góp phần làm lan tỏa hình ảnh “Bộ đội Cụ Hồ” trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Do vậy, trong quá trình triển khai thực hiện đòi hỏi phải có những giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành, hướng dẫn tổ chức thực hiện, hỗ trợ đối với các đơn vị; đề xuất một số giải pháp như sau:

*Một là*, quán triệt đầy đủ chủ trương của Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN gắn với củng cố quốc phòng, an ninh. Phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của cấp ủy đảng các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi mục tiêu của dự án. Nâng cao chất lượng công tác tổ chức, quản lý, điều hành; bám đảm tính khoa học, sát với thực tiễn trong xây dựng, triển khai kế hoạch.

*Hai là*, phát huy vai trò nòng cốt của các Đoàn Kinh tế Quốc phòng (KTQP); nâng cao hiệu quả hoạt động của các Đoàn KTQP tại địa bàn chiến lược, biên giới, vùng sâu, vùng xa. Tập trung vào hoạt động hỗ trợ: Quy hoạch, bố trí

sắp xếp, ổn định dân cư; xây dựng hạ tầng thiết yếu; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, xây dựng mô hình sinh kế bền vững; xây dựng các cụm dân cư biên giới gắn với thế trận quốc phòng toàn dân.

*Ba là*, các Đoàn KTQP cần tích cực, chủ động phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai phù hợp với nhiệm vụ của đơn vị, yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội và đặc điểm của địa phương; lồng ghép, tích hợp với các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội đang triển khai tại địa bàn để kết hợp được nguồn lực, kinh phí; tạo nên sức mạnh tổng hợp, thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đề ra. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa đơn vị Quân đội với cấp ủy, chính quyền địa phương, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội để gắn nhiệm vụ hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng khu vực phòng thủ, thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân.

*Bốn là*, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền về kết quả thực hiện các chương trình, dự án; phổ biến những cách làm hay, sáng tạo, có hiệu quả và kịp thời biểu dương, khen thưởng các cơ quan, đơn vị có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ; thường xuyên làm tốt công tác sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tổ chức tham quan, học tập mô hình tiêu biểu, điển hình tiên tiến.

*Năm là*, tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết nhằm rút kinh nghiệm; bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật bảo đảm đồng bộ, thống nhất.

***Một số nội dung đề nghị trước mắt:*** Việc tham gia hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội không chỉ mang ý nghĩa an sinh mà còn trực tiếp tạo nền tảng giữ vững ổn định chính trị, củng cố “thế trận lòng dân”; vì vậy, đề nghị:

- Hợp phần thứ Hai cần ưu tiên các nhiệm vụ có tính lưỡng dụng, vừa phục vụ dân sinh vừa phục vụ quốc phòng, an ninh lâu dài.

- Đề nghị Bộ Tài chính tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ sớm giao chỉ tiêu ngân sách năm 2026 để Bộ Quốc phòng triển khai thực hiện các nội dung dự án thành phần trong Chương trình MTQG Chính phủ giao.

- Các địa phương kịp thời ban hành mức hỗ trợ sản xuất cho người dân, định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp trong triển khai các Chương trình MTQG.

- Đề nghị tiếp tục tăng cường một số nhiệm vụ cho Quân đội trong thời gian tới:

+ Nhiệm vụ hỗ trợ xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội địa phương: Đường giao thông nông thôn, đường tuần tra biên giới, công trình thủy lợi nhỏ, trường học, trạm y tế, công trình cấp nước sinh hoạt, hệ thống điện, thông tin liên lạc. Ưu tiên địa bàn đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, vùng có nguy cơ mất ổn định về an ninh trật tự.

+ Giúp dân phát triển sản xuất, đẩy mạnh phong trào “Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới”. Bằng các hoạt động: Khám chữa bệnh, cấp thuốc miễn phí; xóa mù chữ, phổ cập giáo dục; tuyên truyền pháp luật; hỗ trợ chuyển giao khoa học kỹ thuật; hướng dẫn phòng chống thiên tai, dịch bệnh.

+ Một số biện pháp bảo đảm nguồn lực và chính sách thực hiện: Đề xuất ưu tiên bố trí nguồn vốn cho các nhiệm vụ có tính lưỡng dụng quốc phòng - dân sinh; có cơ chế đặc thù cho các đơn vị Quân đội tham gia thực hiện Chương trình tại vùng đặc biệt khó khăn; đầu tư trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác dân vận, cứu hộ cứu nạn, thi công công trình...

Có thể khẳng định việc giao cho Quân đội triển khai các Chương trình MTQG là chủ trương đúng đắn; góp phần huy động, phát huy và tăng cường các nguồn lực vừa tham gia phát triển kinh tế - xã hội vừa tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh tại các địa bàn chiến lược, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng DTTS&MN, tuyến biên giới đất liền và biển, đảo trong thời gian qua.

Để nâng cao hơn nữa hiệu quả thực hiện Chương trình trong thời gian tới, rất cần sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Đảng, Nhà nước; sự vào cuộc quyết liệt, đồng bộ của các bộ, ngành và địa phương; đồng thời, cần tăng cường tích hợp, lồng ghép chặt chẽ các Chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội mà địa phương đang triển khai thực hiện, qua đó phát huy tối đa nguồn lực đầu tư, tránh chồng chéo dàn trải, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách và tạo sức lan tỏa bền vững trên từng địa bàn.

**BỘ Y TẾ****ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP LỒNG GHÉP CHƯƠNG TRÌNH MTQG  
VỀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE, DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN TRONG  
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG  
VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO  
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

Sức khỏe vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển bền vững. Một cộng đồng khỏe mạnh sẽ tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, giảm gánh nặng chi phí y tế, nâng cao năng suất lao động và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, thực tiễn hiện nay cho thấy giữa các vùng miền vẫn còn những khoảng cách đáng kể về tiếp cận dịch vụ y tế, chất lượng dân số và các chỉ số sức khỏe. Tại nhiều vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS&MN, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em vẫn cao; công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em còn nhiều khó khăn; khả năng tiếp cận dịch vụ khám chữa bệnh chất lượng còn hạn chế; trong khi gánh nặng bệnh không lây nhiễm, già hóa dân số và các vấn đề sức khỏe mới nổi đang ngày càng gia tăng.

Chính vì vậy, Quốc hội đã phê duyệt Chương trình MTQG về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035, với mục tiêu xuyên suốt là bảo đảm mọi người dân được chăm sóc sức khỏe toàn diện theo vòng đời; nâng cao chất lượng dân số; thích ứng với già hóa dân số; tăng cường chăm sóc các nhóm dễ bị tổn thương; góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và phát triển bền vững đất nước.

Để thực hiện hiệu quả mục tiêu đó, Bộ Y tế cho rằng việc lồng ghép với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026 - 2030 là yêu cầu tất yếu và là giải pháp có ý nghĩa chiến lược.

*Thứ nhất*, lồng ghép để tạo tác động tổng thể tới chất lượng cuộc sống của người dân.

Thực tế cho thấy sức khỏe không chỉ phụ thuộc vào hệ thống y tế mà còn chịu tác động bởi điều kiện sống, dinh dưỡng, nước sạch, vệ sinh môi trường, giáo dục và sinh kế của người dân. Do đó, các mục tiêu về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, dân số cần được tích hợp ngay trong quá trình xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững. Khi người dân được tiếp cận nước sạch, vệ sinh môi trường được cải thiện, trẻ em được bảo đảm dinh dưỡng, người dân có việc làm và thu nhập ổn định thì các chỉ số sức khỏe cũng được cải thiện một cách bền vững.

*Thứ hai*, lồng ghép để tập trung nguồn lực cho những địa bàn khó khăn nhất.

Theo định hướng của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026 - 2030, vùng biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tiếp tục là địa bàn ưu tiên hàng đầu.

Tại những khu vực này, Bộ Y tế sẽ tập trung triển khai đồng bộ các hoạt động như nâng cao năng lực y tế cơ sở; chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; cải thiện dinh dưỡng; khám sức khỏe trước hôn nhân; sàng lọc trước sinh và sơ sinh; phòng chống bệnh Thalassemia; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong quản lý sức khỏe người dân.

Việc lồng ghép các hoạt động này với các dự án phát triển hạ tầng, sinh kế và an sinh xã hội sẽ giúp tối ưu hóa nguồn lực, tránh chồng chéo, đồng thời nâng cao hiệu quả đầu tư của Nhà nước.

*Thứ ba*, lồng ghép hỗ trợ triển khai hoạt động phát triển vùng trồng dược liệu quý mang lại ý nghĩa chiến lược trong việc tạo sinh kế bền vững, giúp đồng bào DTTS&MN thoát nghèo. Đồng thời, chương trình giúp bảo tồn nguồn gen dược liệu bản địa, thúc đẩy kinh tế lâm nghiệp và cung cấp nguồn nguyên liệu sạch, giá trị cao cho nền y tế Việt Nam.

*Thứ tư*, lồng ghép để phát triển nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng dân số.

Trong giai đoạn tới, Việt Nam đang đối mặt đồng thời với nhiều thách thức về dân số như mức sinh thấp tại nhiều địa phương, mất cân bằng giới tính khi sinh, già hóa dân số và yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Do đó, các nội dung về tư vấn, khám sức khỏe trước kết hôn; sàng lọc trước sinh và sơ sinh; chăm sóc sức khỏe sinh sản; phòng chống suy dinh dưỡng; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi cần được triển khai đồng bộ với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đây chính là đầu tư cho tương lai, đầu tư cho chất lượng nguồn nhân lực và năng lực cạnh tranh quốc gia.

Để thực hiện hiệu quả việc lồng ghép các Chương trình MTQG trong thời gian tới, Bộ Y tế đề xuất một số định hướng và giải pháp trọng tâm như sau:

*Một là*, tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành trong quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hằng năm.

Các bộ, ngành và địa phương cần rà soát các mục tiêu, chỉ tiêu và hoạt động có tính tương đồng để xây dựng kế hoạch chung, tránh đầu tư phân tán và trùng lặp.

*Hai là*, ưu tiên lồng ghép nguồn lực tại cấp cơ sở.

Trạm y tế cấp xã cần được xác định là cơ sở chăm sóc sức khỏe ban đầu triển khai nhiều hoạt động liên quan đến sức khỏe, dân số, dinh dưỡng và chăm sóc các nhóm yếu thế. Đồng thời, cần phát huy vai trò của hệ thống cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản, cô đỡ thôn bản và các tổ chức đoàn thể tại cộng đồng.

*Ba là*, đẩy mạnh chuyển đổi số và quản lý sức khỏe toàn dân.

Bộ Y tế đang triển khai mục tiêu phấn đấu 100% người dân được lập hồ sơ sức khỏe điện tử, được quản lý sức khỏe theo vòng đời và kết nối với Sổ sức khỏe điện tử trên nền tảng VNeID.

Đây sẽ là nền tảng quan trọng giúp các Chương trình MTQG chia sẻ dữ liệu, theo dõi đối tượng thụ hưởng, giám sát kết quả thực hiện và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

*Bốn là*, tăng cường truyền thông thay đổi hành vi và huy động sự tham gia của toàn xã hội.

Nhiều vấn đề sức khỏe hiện nay như suy dinh dưỡng, bệnh không lây nhiễm, mất cân bằng giới tính khi sinh, chăm sóc người cao tuổi hay nâng cao chất lượng dân số đều đòi hỏi sự thay đổi về nhận thức và hành vi của người dân. Do đó, cần huy động sự tham gia mạnh mẽ của các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan truyền thông, các tổ chức tôn giáo và cộng đồng trong quá trình triển khai.

*Năm là*, tăng cường phân cấp, trao quyền cho địa phương gắn với trách nhiệm giải trình.

Các địa phương cần chủ động lựa chọn mô hình phù hợp với điều kiện thực tiễn, đồng thời tăng cường công tác giám sát, đánh giá để bảo đảm các nguồn lực được sử dụng đúng mục tiêu, đúng đối tượng và đạt hiệu quả cao nhất.

Lồng ghép hiệu quả Chương trình MTQG về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN không chỉ là yêu cầu về quản lý nguồn lực mà còn là giải pháp quan trọng để thực hiện mục tiêu phát triển bao trùm, không để ai bị bỏ lại phía sau.

Bộ Y tế cam kết tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, địa phương trong quá trình triển khai Chương trình; đồng thời, mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ, sự phối hợp của các cơ quan liên quan để cùng thực hiện thành công các mục tiêu chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao chất lượng dân số và phát triển bền vững đất nước.

**CỤC VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM**  
**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

**GIẢI PHÁP THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CÁC CHƯƠNG TRÌNH  
MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 TRÊN NỀN TẢNG  
PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ**

Phát triển văn hóa vùng đồng bào DTTS&MN không chỉ là nhiệm vụ bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc mà còn là giải pháp quan trọng nhằm khơi dậy nguồn lực nội sinh, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới.

Thực tiễn triển khai các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 cho thấy, ở đâu các giá trị văn hóa vùng đồng bào DTTS&MN được quan tâm bảo tồn và phát huy đúng hướng, từ đó đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng cao, bản sắc văn hóa dân tộc được gìn giữ, khối đại đoàn kết được củng cố và các nguồn lực nội sinh được khơi dậy, phát huy hiệu quả cho phát triển kinh tế - xã hội.

Quốc hội đã thông qua chủ trương đầu tư Chương trình MTQG về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035; đồng thời triển khai các Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026 - 2030, yêu cầu đặt ra là phải tăng cường liên kết, phối hợp và lồng ghép giữa các chương trình nhằm sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư của Nhà nước, khắc phục tình trạng phân tán, chồng chéo và trùng lặp trong quá trình tổ chức thực hiện. Việc xây dựng cơ chế lồng ghép không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư công mà còn tạo điều kiện để phát huy vai trò của văn hóa như một nguồn lực nội sinh, động lực phát triển bền vững. Thông qua đó, các mục tiêu về bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển du lịch cộng đồng và nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được triển khai đồng bộ, gắn kết chặt chẽ và hỗ trợ lẫn nhau, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

**I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH  
MTQG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

Giai đoạn 2021 - 2025, công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống các DTTS được triển khai đồng bộ thông qua Dự án 6 thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN. Nhiều chỉ tiêu quan trọng đã hoàn thành, một số chỉ tiêu vượt kế hoạch đề ra, tạo nền tảng quan trọng cho việc triển khai các mục tiêu phát triển văn hóa trong giai đoạn tiếp theo.

Trước hết, hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở tiếp tục được quan tâm đầu tư. Trong giai đoạn 2021 - 2025, đã hỗ trợ xây dựng, nâng cấp và sửa chữa 3.590 thiết chế văn hóa, thể thao tại thôn, bản; hỗ trợ hơn 1.700 bộ trang thiết bị cho các nhà văn

hóa và khu thể thao thôn. Nhờ đó, tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng đạt 93,8%, vượt mục tiêu 80% theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội; tỷ lệ thôn có đội văn hóa, văn nghệ hoạt động thường xuyên đạt 66,1%, vượt mục tiêu đề ra.

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống đạt nhiều kết quả tích cực. Các địa phương đã triển khai khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số rất ít người có quy mô dân số dưới 10.000 người; hỗ trợ bảo tồn, phục dựng hơn 150 lễ hội truyền thống tiêu biểu; hỗ trợ xây dựng 50 làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu; tu bổ, tôn tạo 29 di tích quốc gia đặc biệt và di tích tiêu biểu của đồng bào dân tộc thiểu số. Nhiều giá trị văn hóa có nguy cơ mai một đã được kiểm kê, tư liệu hóa, truyền dạy và từng bước phục hồi trong cộng đồng.

Các hoạt động nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của người dân tiếp tục được đẩy mạnh. Hơn 1.150 tủ sách cộng đồng được xây dựng và đưa vào hoạt động, trong đó có 150 tủ sách được hỗ trợ từ Trung ương. Hệ thống câu lạc bộ văn hóa dân gian, đội văn nghệ truyền thống được duy trì và phát triển, góp phần tạo môi trường sinh hoạt văn hóa lành mạnh, tăng cường sự gắn kết cộng đồng.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực văn hóa được chú trọng. Hơn 320 lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ văn hóa và kỹ năng phục vụ du lịch cộng đồng đã được tổ chức với trên 16.350 lượt người tham gia. Đồng thời, hơn 240 mô hình bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống được hỗ trợ triển khai; 69 điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được đầu tư, nâng cấp, góp phần tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân.

Nhìn chung, các kết quả đạt được đã góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống các DTTS, nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, đồng thời từng bước khai thác hiệu quả các nguồn lực văn hóa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và du lịch cộng đồng. Đây là tiền đề quan trọng để tiếp tục thực hiện các mục tiêu phát triển văn hóa theo hướng bền vững trong giai đoạn tới.

## **II. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA**

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai thực hiện vẫn còn một số khó khăn, hạn chế cần được quan tâm giải quyết.

*Thứ nhất*, nhu cầu đầu tư cho lĩnh vực văn hóa tại vùng đồng bào DTTS&MN còn rất lớn trong khi nguồn lực đầu tư còn hạn chế. Nhiều nhà văn hóa, khu sinh hoạt cộng đồng đã xuống cấp nhưng chưa được đầu tư nâng cấp kịp thời; nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể có giá trị đang đứng trước nguy cơ mai một nếu không được quan tâm bảo tồn thường xuyên.

*Thứ hai*, nguồn lực đầu tư còn phân tán và thiếu tính liên kết. Mục tiêu phát triển văn hóa hiện được triển khai trong nhiều Chương trình MTQG khác nhau, dẫn đến khó khăn trong công tác điều phối, lồng ghép nguồn lực và xác định trách nhiệm thực hiện. Một số nội dung có nguy cơ trùng lặp hoặc chưa phát huy được hiệu quả tổng hợp của các chương trình.

*Thứ ba*, việc gắn kết giữa bảo tồn văn hóa với phát triển sinh kế, giảm nghèo và phát triển du lịch ở một số địa phương còn chưa chặt chẽ. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống có tiềm năng phát triển thành sản phẩm du lịch đặc thù nhưng chưa được khai thác tương xứng với lợi thế sẵn có.

*Thứ tư*, chất lượng nguồn nhân lực văn hóa cơ sở chưa đồng đều. Đội ngũ cán bộ văn hóa cấp xã ở nhiều địa phương còn thiếu về số lượng, hạn chế về kỹ năng quản lý, điều phối và lồng ghép nguồn lực, trong khi yêu cầu quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia ngày càng cao.

Bên cạnh đó, yêu cầu chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa đang đặt ra ngày càng cấp thiết. Tuy nhiên, hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu và nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số tại nhiều địa bàn vùng sâu, vùng xa còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý và phát huy giá trị di sản văn hóa.

### **III. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

Để nâng cao hiệu quả thực hiện các Chương trình MTQG trong giai đoạn tới, cần xác định văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực, đồng thời là nguồn lực nội sinh quan trọng cho phát triển bền vững vùng đồng bào DTTS&MN.

#### **1. Hoàn thiện cơ chế lồng ghép và huy động nguồn lực**

- Tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ cho địa phương theo nguyên tắc “*địa phương quyết định, địa phương thực hiện và địa phương chịu trách nhiệm*”. Các địa phương chủ động rà soát, xác định nhu cầu ưu tiên, xây dựng kế hoạch lồng ghép giữa Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN với Chương trình MTQG phát triển văn hóa.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực cho các dự án, mô hình có tính liên kết và đa mục tiêu; trong đó kết hợp hài hòa giữa bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa với phát triển du lịch cộng đồng, bảo tồn nghề truyền thống, xây dựng sản phẩm văn hóa đặc trưng, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa. Việc huy động, lồng ghép và phối hợp sử dụng các nguồn lực cần được thực hiện theo hướng đồng bộ, tránh trùng lặp, chồng chéo, phát huy tối đa hiệu quả đầu tư công và khả năng huy động nguồn lực xã hội.

- Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành trong quá trình lập kế hoạch, phân bổ nguồn lực, tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả, bảo đảm các Chương trình MTQG hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình triển khai. Trong đó, kết quả thực hiện các mục tiêu về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN là nền tảng quan trọng để nâng cao mức

hưởng thụ văn hóa của Nhân dân, mở rộng khả năng tiếp cận các dịch vụ văn hóa, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh và phát triển con người toàn diện.

- Đồng thời, tăng cường huy động các nguồn lực hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước; khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và cộng đồng trong các hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch văn hóa và các mô hình sinh kế dựa trên văn hóa, góp phần nâng cao tính bền vững và sức lan tỏa của các Chương trình MTQG trong giai đoạn 2026 - 2030.

## **2. Phát huy kết quả trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các đồng bào DTTS gắn với phát triển du lịch**

- Xây dựng, hoàn thiện kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 theo hướng đồng bộ, khả thi, sát với điều kiện thực tiễn của từng vùng, từng địa phương, từng dân tộc; chú trọng các địa bàn khó khăn, vùng đồng bào DTTS có nguy cơ mai một văn hóa cao.

- Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc địa phương trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về văn hóa thuộc Chương trình; chủ động nắm bắt tình hình, kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp tháo gỡ.

- Lựa chọn, nhân rộng các mô hình hiệu quả về bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN.

- Gắn việc thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới với các mục tiêu phát triển văn hóa vùng đồng bào DTTS theo Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/1/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Hướng dẫn số 2270/HD-BVHTTDL ngày 15/5/2026 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Qua đó từng bước nâng cao thực hiện tốt công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các đồng bào DTTS.

## **3. Phát huy kết quả xây dựng nông thôn mới để thúc đẩy phát triển văn hóa bền vững**

- Xây dựng nông thôn mới không chỉ hướng tới phát triển kết cấu hạ tầng và nâng cao đời sống kinh tế của người dân mà còn tạo nền tảng quan trọng cho phát triển văn hóa bền vững. Hệ thống thiết chế văn hóa được đầu tư đồng bộ, cảnh quan nông thôn ngày càng khang trang, môi trường sống được cải thiện và đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân từng bước nâng cao đã tạo điều kiện thuận lợi để bảo tồn, thực hành, trao truyền và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trong cộng đồng.

- Tiếp tục khai thác hiệu quả các thành quả của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới nhằm nâng cao chất lượng đời sống văn hóa cơ sở, mở rộng cơ hội tiếp cận và thụ hưởng các giá trị văn hóa của người dân, nhất là tại vùng

đồng bào DTTS&MN. Trong đó, cần quan tâm phát huy hiệu quả hoạt động của nhà văn hóa, khu sinh hoạt cộng đồng, thư viện, tủ sách cơ sở và các thiết chế văn hóa, thể thao đã được đầu tư.

- Gắn việc thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới với các mục tiêu phát triển văn hóa theo Quyết định số 42/2025/QĐ-TTg ngày 12/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về phát triển văn hóa toàn diện các cấp giai đoạn 2025 - 2030 và Hướng dẫn số 1984/HD-BVHTTDL ngày 14/4/2026 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Qua đó, từng bước nâng cao chất lượng môi trường văn hóa, xây dựng con người phát triển toàn diện, hình thành các cộng đồng dân cư đoàn kết, văn minh và giàu bản sắc văn hóa.

- Trong quá trình triển khai, các địa phương cần chủ động vận dụng phù hợp với điều kiện thực tiễn; đồng thời nghiên cứu bổ sung các tiêu chí, chỉ tiêu đặc thù về văn hóa, thể thao và du lịch phù hợp với đặc điểm vùng miền, nhất là tại khu vực đồng bào DTTS&MN. Việc cụ thể hóa các tiêu chí cần bảo đảm tính khả thi, phản ánh đúng nhu cầu phát triển và góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình.

- Đẩy mạnh lồng ghép các nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng nông thôn mới; ưu tiên bảo tồn không gian văn hóa, lễ hội truyền thống, nghề thủ công, tri thức dân gian, tiếng nói, chữ viết và các loại hình nghệ thuật dân gian đặc sắc của các dân tộc. Gắn bảo tồn văn hóa với phát triển du lịch cộng đồng, phát triển sản phẩm OCOP và các mô hình sinh kế dựa trên văn hóa nhằm tạo động lực phát triển kinh tế tại địa phương.

#### **4. Gắn bảo tồn văn hóa với giảm nghèo bền vững và phát triển du lịch**

- Đẩy mạnh các mô hình bảo tồn văn hóa gắn với phát triển du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm và sản phẩm OCOP đặc trưng. Hỗ trợ cộng đồng tham gia trực tiếp vào các hoạt động dịch vụ du lịch, nâng cao năng lực quản trị, kỹ năng nghề và khả năng tiếp cận thị trường.

- Từng bước chuyển hóa các giá trị văn hóa thành nguồn lực phát triển, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân trên cơ sở bảo tồn bền vững và phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng.

#### **5. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa**

Đây là giải pháp quan trọng nhằm cụ thể hóa tinh thần của Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trong lĩnh vực văn hóa ở khu vực nông thôn và vùng đồng bào DTTS&MN.

Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong xây dựng môi trường văn hóa nông thôn; từng bước số hóa dữ liệu di sản, xây dựng cơ sở dữ liệu số về di sản văn hóa các DTTS; đẩy mạnh số hóa tư liệu, hiện vật, tiếng nói, chữ viết và tri thức dân gian, phát triển các nền tảng quảng bá văn hóa địa phương, nâng cao khả năng tiếp cận thông tin và mở rộng không gian sáng tạo

văn hóa cho người dân; ứng dụng công nghệ số trong công tác kiểm kê, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; khai thác hiệu quả các nền tảng số để quảng bá văn hóa, du lịch, kết nối thị trường và nâng cao khả năng tiếp cận thông tin của người dân vùng sâu, vùng xa.

#### **6. Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

- Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư trong xây dựng đời sống văn hóa, giữ gìn cảnh quan nông thôn, bảo vệ di sản văn hóa và duy trì các phong tục, tập quán tốt đẹp. Thực hiện hiệu quả phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng*”, bảo đảm người dân vừa là chủ thể sáng tạo văn hóa, vừa là đối tượng trực tiếp thụ hưởng thành quả của quá trình phát triển; nâng cao vai trò của nghệ nhân, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ văn hóa cơ sở; phấn đấu đến năm 2030, 100% xã vùng đồng bào DTTS&MN có cán bộ văn hóa được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng quản lý phù hợp với yêu cầu mới.

#### **IV. KẾT LUẬN**

- Kết quả thực hiện các Chương trình MTQG là tiền đề để phát triển văn hóa bền vững; đồng thời, phát triển văn hóa tiếp tục tạo động lực tinh thần và nguồn lực nội sinh cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

- Trong giai đoạn 2026 - 2030, việc thực hiện hiệu quả các Chương trình MTQG trên nền tảng phát triển văn hóa sẽ góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư công, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và tạo động lực phát triển bền vững vùng đồng bào DTTS&MN.

Với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước; sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành, địa phương và sự tham gia tích cực của cộng đồng, văn hóa sẽ thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, nguồn lực nội sinh quan trọng và động lực phát triển bền vững vùng đồng bào DTTS&MN trong thời kỳ mới.

**THAM LUẬN  
CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG**



## **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

### **PHÁT TRIỂN SINH KẾ BỀN VỮNG, ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ GẮN VỚI GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU TẠI ĐỊA BÀN BIÊN GIỚI, VÙNG ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN**

Cao Bằng là tỉnh miền núi, biên giới phía Bắc của Tổ quốc, diện tích chủ yếu là đồi núi, địa hình chia cắt mạnh, giao thông đi lại còn nhiều khó khăn. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, toàn tỉnh có 56 xã, phường (gồm 53 xã và 03 phường; 21 xã biên giới; 18 xã an toàn khu), 53/53 xã thuộc khu vực III đặc biệt khó khăn, có 1.462 thôn, xóm, tổ dân phố (1.102/1.462 thôn, xóm) đặc biệt khó khăn. Tổng dân số toàn tỉnh là 568.232 người; trong đó, dân tộc thiểu số là 550.799 người (chiếm 96,93%)<sup>1</sup>. Cao Bằng là địa phương có nhiều tiềm năng, lợi thế về đất đai, khí hậu, tài nguyên rừng, các sản phẩm nông nghiệp đặc sản và bản sắc văn hóa phong phú của các dân tộc tạo điều kiện thuận lợi để phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng hàng hóa, du lịch nông nghiệp, xây dựng các mô hình sinh kế phù hợp và phát triển kinh tế bền vững. Tuy nhiên, đời sống của người dân, đặc biệt tại các xã biên giới, vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn; tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều năm 2025 còn 32,07%.

Nhận thức rõ phát triển sinh kế bền vững là giải pháp căn cơ nhằm nâng cao thu nhập, ổn định đời sống Nhân dân; trong giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh đã tập trung triển khai đồng bộ các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG, đặc biệt là Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN (Chương trình 1719). Các chính sách được thực hiện theo hướng lồng ghép tối đa nguồn vốn, gắn kết chặt chẽ các dự án sinh kế với các tiểu dự án giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, nâng cao năng lực sản xuất của người dân, tạo sinh kế bền vững, từng bước ổn định đời sống, góp phần giảm nghèo đa chiều tại các xã biên giới, vùng sâu, vùng xa và vùng đặc biệt khó khăn.

**Về công tác tham mưu ban hành cơ chế chính sách, chỉ đạo, hướng dẫn:**  
Nhằm tạo cơ sở pháp lý và nguồn lực để triển khai hiệu quả các chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất, UBND tỉnh đã chủ động tham mưu, đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nhiều cơ chế, chính sách quan trọng, như: Nghị quyết số 48/2020/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 về chính sách hỗ trợ phát triển nông lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ngày 18/10/2023 quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025.

<sup>1</sup> Kết quả rà soát theo Nghị định số 255/2025/NĐ-CP ngày 29/9/2025 của Chính phủ.

Bên cạnh đó, tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương triển khai thực hiện các dự án phát triển sản xuất phù hợp với điều kiện thực tiễn, nhu cầu của người dân và định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

**Về kết quả hỗ trợ phát triển sinh kế bền vững:** Giai đoạn 2021 - 2025, trên địa bàn tỉnh đã khai thực hiện 1.749 dự án/kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG, bao gồm: 147 kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, 1.602 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, với tổng số 75.590 hộ tham gia (44.036 hộ nghèo; 23.137 hộ cận nghèo; 2.054 hộ mới thoát nghèo; 6.336 hộ khác). Tổng kinh phí thực hiện hỗ trợ là 2.170,8 tỷ đồng (trong đó: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ là 962,8 tỷ đồng; đơn vị chủ trì liên kết và người dân đối ứng là 1.208 tỷ đồng).

Các dự án, kế hoạch được triển khai phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp của tỉnh, tập trung vào các sản phẩm chủ lực, đặc sản, đặc hữu có lợi thế cạnh tranh như: Cây Hôi, Quế, Mắc ca, Trúc sào, Lạc, Mía, Chè, Dâu tằm, Gai xanh, cây ăn quả; chăn nuôi trâu, bò, dê, lợn, gia cầm và phát triển lâm nghiệp. Thông qua việc hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư sản xuất, chuyển giao khoa học kỹ thuật và phát triển các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, năng lực sản xuất của người dân, đặc biệt là đồng bào DTTS tại vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn từng bước được nâng cao. Nhiều mô hình sản xuất đã phát huy hiệu quả, tạo việc làm, tăng thu nhập, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, góp phần bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện chất lượng dinh dưỡng và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân.

Đồng thời, các dự án đã góp phần thực hiện hiệu quả Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa tập trung, khai thác lợi thế các sản phẩm chủ lực, đặc sản của địa phương gắn với liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Qua đó, tạo sinh kế ổn định, nâng cao khả năng tự chủ của người dân, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh từ 28,94% cuối năm 2021 xuống còn 16% vào cuối năm 2025, từng bước hiện thực hóa mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bền vững trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, quá trình triển khai các dự án hỗ trợ phát triển sinh kế, phát triển sản xuất gắn với giảm nghèo đa chiều tại vùng đồng bào DTTS, vùng biên giới và vùng đặc biệt khó khăn của tỉnh Cao Bằng trong giai đoạn 2021 - 2025 vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, như:

- Điều kiện kinh tế - xã hội của khu vực đồng bào DTTS&MN còn nhiều khó khăn, 93 thôn, bản chưa có điện lưới quốc gia; 40% đường thôn, xóm chưa được cứng hóa đảm bảo đi lại. Địa hình chia cắt, sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất chưa đồng bộ; tác động của thiên tai, dịch bệnh và biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả phát triển sản xuất và khả năng mở rộng các mô hình sinh kế bền vững. Đây cũng là những rào cản lớn trong việc thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị.

- Năng lực của các chủ thể tham gia chuỗi liên kết còn hạn chế. Phần lớn doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn có quy mô nhỏ, nguồn lực tài chính và năng lực quản trị còn yếu, chưa mạnh dạn đầu tư vào các dự án liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm.

- Tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo tại nhiều địa phương vẫn ở mức cao; trình độ dân trí, khả năng tiếp cận khoa học kỹ thuật và năng lực tổ chức sản xuất của một bộ phận người dân còn hạn chế. Nhiều xóm, bản có 100% số hộ thuộc diện nghèo, cận nghèo hoặc mới thoát nghèo, dẫn đến khó khăn trong việc hình thành các tổ, nhóm cộng đồng có thành viên đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh theo quy định hiện hành, chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới. Điều này ảnh hưởng đến khả năng xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế hiệu quả tại cơ sở.

Công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia các dự án phát triển sản xuất ở một số địa phương chưa thực sự sâu rộng; việc rà soát nhu cầu, xây dựng và thẩm định dự án còn chậm; năng lực quản lý, tổ chức thực hiện của một số chủ trì liên kết và đội ngũ cán bộ cơ sở còn hạn chế. Công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn kỹ thuật ở một số dự án chưa được thực hiện thường xuyên, việc áp dụng quy trình kỹ thuật trong chăn nuôi, trồng trọt chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến hiệu quả và tính bền vững của mô hình.

Những khó khăn, hạn chế nêu trên là thách thức đối với việc phát triển kinh tế, giảm nghèo tại vùng đồng bào DTTS, vùng biên giới và vùng đặc biệt khó khăn của tỉnh Cao Bằng. Đồng thời, đây cũng là những vấn đề cần tiếp tục được quan tâm tháo gỡ trong giai đoạn tới nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư, phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương và bảo đảm tính bền vững của các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất.

Từ thực tiễn triển khai giai đoạn 2021 - 2025 cho thấy, để các mô hình sinh kế thực sự trở thành động lực thúc đẩy giảm nghèo đa chiều, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống người dân thì cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, tăng cường liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; nâng cao năng lực của các chủ thể tham gia và phát huy vai trò chủ động của người dân trong phát triển sản xuất. Đây cũng là cơ sở quan trọng để tỉnh Cao Bằng xác định các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong giai đoạn 2026 - 2030.

Bước sang giai đoạn 2026 - 2030, với mục tiêu tiếp tục phát triển sinh kế bền vững, ổn định đời sống đồng bào DTTS gắn với giảm nghèo đa chiều, tỉnh Cao Bằng xác định tập trung xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái, văn hóa, tập quán sản xuất và trình độ phát triển của từng địa phương; ưu tiên các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, khu vực biên giới và an toàn khu.

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương, UBND tỉnh đang tiếp tục hoàn thiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh

ban hành Nghị quyết để lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện Chương trình. Trong đó, tập trung phát triển các mô hình sinh kế bền vững gắn với lợi thế của từng vùng, từng địa phương; ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học kỹ thuật, phát triển sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản, đặc hữu; thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân; đồng thời, tăng cường đào tạo nghề, nâng cao năng lực sản xuất cho đồng bào DTTS; qua đó, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, bảo đảm an sinh xã hội và phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu nêu trên, tỉnh Cao Bằng rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương trong việc hoàn thiện cơ chế, chính sách; hướng dẫn kịp thời các nội dung triển khai Chương trình MTQG giai đoạn 2026 - 2030; đồng thời, quan tâm bố trí đủ nguồn lực cho địa phương miền núi, biên giới còn nhiều khó khăn như Cao Bằng.

Bên cạnh đó, tỉnh cũng mong muốn tiếp tục nhận được sự hỗ trợ về đào tạo, tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế hiệu quả; hỗ trợ thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ cơ sở. Đây là những yếu tố quan trọng để tạo sinh kế ổn định, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của đồng bào DTTS, góp phần thực hiện hiệu quả mục tiêu giảm nghèo đa chiều, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội bền vững tại các địa bàn biên giới, vùng đặc biệt khó khăn của tỉnh Cao Bằng trong giai đoạn 2026 - 2030.

## **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

### **PHÁT TRIỂN SINH KẾ BỀN VỮNG, ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ GẮN VỚI GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU TẠI ĐỊA BÀN BIÊN GIỚI, VÙNG ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN**

Điện Biên là tỉnh miền núi, biên giới, có vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh; là vùng đất “Phên giậu” của Tổ quốc với tổng chiều dài đường biên giới trên 455 km giáp với 02 nước Lào và Trung Quốc. Tỉnh có 45 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 42 xã và 03 phường; dân số toàn tỉnh đến hết năm 2025 trên 66 vạn người, gồm 19 dân tộc anh em cùng sinh sống.

Trong giai đoạn 2021 - 2025, thông qua việc triển khai đồng bộ 03 Chương trình MTQG, tỉnh Điện Biên đã chủ động lồng ghép, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực khác, gắn kết hài hòa giữa hỗ trợ an sinh xã hội với phát triển sản xuất, tạo sinh kế, việc làm cho người dân, hỗ trợ làm nhà ở cho các hộ nghèo, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu, từng bước giúp người dân thoát nghèo bền vững. Việc tạo sinh kế và việc làm tại chỗ cho người dân đã được tỉnh Điện Biên thực hiện thông qua nhiều chính sách hỗ trợ, nổi bật là việc triển khai thực hiện trên 953 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, tập trung thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo hướng hàng hoá, gắn với các loại cây trồng chủ lực như: Cây mắc ca, cây cà phê, cây ăn quả, cây dược liệu; qua đó diện tích cây Mắc ca của tỉnh đã tăng lên trên 12.000 ha, diện tích cây Cà phê đã tăng từ 3.220 ha lên trên 8.000 ha; đưa Điện Biên trở thành tỉnh có diện tích Mắc ca đứng thứ 2 cả nước (*sau tỉnh Lâm Đồng*) và có diện tích Cà phê Arabica đứng thứ 3 cả nước (*sau tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Sơn La*).

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của tỉnh đã giảm xuống còn 17,78%, bình quân mỗi năm giảm 4,28%, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân tiếp tục được cải thiện. Thông qua các chính sách hỗ trợ, trung bình mỗi năm trên địa bàn tỉnh đã tạo việc làm mới cho trên 9.000 lao động; 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo được tham gia bảo hiểm y tế; hơn 90% hộ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; gần 89% dân số được tiếp cận các dịch vụ viễn thông, internet; 95% số hộ ở xã đặc biệt khó khăn được tiếp cận thông tin về giảm nghèo; tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 87%. Đặc biệt, thông qua các Chương trình do Trung ương phát động, tỉnh Điện Biên đã triển khai làm nhà ở cho trên 22.000 hộ nghèo, giúp các hộ nghèo được ở trong những căn nhà kiên cố, khang trang, góp phần quan trọng vào công cuộc giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, Điện Biên vẫn là tỉnh đặc biệt khó khăn, kinh tế chậm phát triển, đời sống một bộ phận nhân dân còn rất nhiều khó khăn, trên 80% lao động khu vực nông thôn vẫn làm nông nghiệp quy mô nhỏ, tự cung tự cấp; khả năng tiếp

cận thị trường hạn chế do quy mô, chất lượng sản phẩm, khó khăn về cơ sở hạ tầng, về địa hình đồi núi dốc và về vị trí địa lý; nhiều hộ đồng bào DTTS thiếu kỹ năng nghề và khả năng ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất; thu nhập của người dân thấp và thiếu bền vững; thu nhập bình quân khu vực nông thôn của tỉnh năm 2024 chỉ đạt 19,5 triệu đồng/người/năm, bằng khoảng 35% so với thu nhập bình quân của lao động nông thôn trên phạm vi cả nước.

Hiện nay, tỉnh Điện Biên hiện vẫn còn khoảng gần 21.800 hộ nghèo và trên 18.700 hộ cận nghèo, con số này dự kiến sẽ tăng lên tương đối nhiều khi nâng mức chuẩn nghèo theo thu nhập ở nông thôn giai đoạn 2027 - 2030 từ 1,5 triệu đồng/người/tháng lên 2,2 triệu đồng/người/tháng. Trong thời gian tới, tỉnh đề ra mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân trên 3%/năm và đảm bảo sinh kế bền vững để người dân không tái nghèo sau khi thoát nghèo. Để thực hiện được mục tiêu này, tỉnh Điện Biên đề xuất một số định hướng và giải pháp “*Phát triển sinh kế bền vững, ổn định đời sống đồng bào DTTS gắn với giảm nghèo đa chiều tại địa bàn biên giới, vùng đặc biệt khó khăn*”, như sau:

*Thứ nhất, thay đổi cách tiếp cận đối với việc hỗ trợ sinh kế cho người nghèo, phải tạo ra các giải pháp lâu dài, giúp người dân có khả năng tự tạo ra thu nhập và duy trì cuộc sống ổn định, không còn phụ thuộc vào hỗ trợ của nhà nước.* Giảm nghèo đa chiều là nền tảng, còn sinh kế bền vững là mục tiêu cuối cùng để chấm dứt đói nghèo một cách triệt để. Hầu hết các hộ nghèo là những hộ làm nông nghiệp, tham gia sản xuất nông nghiệp; vì vậy, muốn giảm nghèo bền vững phải bắt đầu từ chính lợi thế về phát triển sản xuất nông nghiệp. Kinh nghiệm từ việc triển khai gần 1.000 dự án hỗ trợ sinh kế cho người dân của tỉnh Điện Biên trong giai đoạn vừa qua cho thấy, việc hỗ trợ dàn trải trên nhiều đối tượng chỉ giải quyết được sinh kế trước mắt, khó tạo ra hiệu quả bền vững và hiệu ứng lan tỏa. Việc hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi riêng lẻ theo hộ gia đình không tạo được sản phẩm hàng hóa với quy mô lớn để thu hút doanh nghiệp tham gia liên kết đầu tư, chỉ đủ phục vụ trong gia đình. Để thực sự tạo sinh kế bền vững, nâng cao thu nhập cho người dân, cần phải tập trung hỗ trợ theo hướng có trọng tâm, phải chuyển đổi sản xuất theo hướng liên kết, sản xuất hàng hóa tập trung, nâng cao chuỗi giá trị, gắn với chế biến sâu và thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Dựa trên tiềm năng, lợi thế về đất đai, khí hậu, thổ nhưỡng, tỉnh lựa chọn Mắc ca, Cà phê là 02 cây trồng chủ lực, ngoài ra phát triển thêm các cây trồng khác như Dứa, Chanh leo, dược liệu để tạo sinh kế bền vững cho người dân. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã đặt ra mục tiêu đến năm 2030 tỉnh có 60.000 ha Mắc ca, Cà phê, cây ăn quả và hướng tới năm 2035 sẽ có 120.000 ha các cây trồng chủ lực này. Đây đều là những cây trồng cho giá trị kinh tế cao, thu nhập bền vững hàng chục năm.

*Thứ hai, đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, tổ hợp tác.* Các hợp tác xã, tổ hợp tác chính là sợi dây gắn kết các hộ nông dân nhỏ lẻ để hình thành vùng sản xuất lớn; là cầu nối giữa người dân với các đơn vị cung ứng vật

tư đầu vào (*giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật*), các nhà bao tiêu, chế biến sản phẩm đầu ra. Tỉnh định hướng mỗi thôn, bản phân đấu có ít nhất 01 hợp tác xã hoặc tổ hợp tác, do Bí thư Chi bộ, Trưởng bản hoặc nông dân sản xuất kinh doanh giỏi làm chủ nhiệm hoặc tổ trưởng, đóng vai trò nòng cốt trong các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất để mở rộng và hình thành các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn. Việc tham gia vào các tổ hợp tác, hợp tác xã giúp người dân nâng cao năng lực, kỹ thuật sản xuất; tiếp cận tốt hơn về vốn, kỹ thuật, giống, vật tư, tiếp cận công nghệ cao, sản xuất quy mô lớn, gắn với chuỗi giá trị; nâng cao năng lực cạnh tranh tiêu thụ sản phẩm; là chỗ dựa vững chắc, hỗ trợ thành viên vượt qua khó khăn (*thiên tai, dịch bệnh*); nâng cao ý thức chính trị, xây dựng nếp sống văn hóa, xây dựng cộng đồng đoàn kết, tương trợ lẫn nhau trên tinh thần cùng làm, cùng hưởng, cùng nhau phát triển, làm giàu từ chính nội lực của cộng đồng.

*Thứ ba, phát huy vai trò của đội ngũ khuyến nông cơ sở và cấp ủy, chính quyền cấp xã mới.* Cùng cố, kiên toàn, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của cán bộ khuyến nông viên cơ sở và các tổ khuyến nông cộng đồng, biến họ thành cánh tay nối dài, trực tiếp hỗ trợ nông dân áp dụng khoa học kỹ thuật, chuyển đổi mô hình sản xuất “*đưa cán bộ khuyến nông về sát dân, sát đồng ruộng*” để hỗ trợ nông dân sản xuất hiệu quả hơn, chuyên nghiệp hơn, biến đội ngũ khuyến nông cơ sở trở thành những người “*thầy*” nông nghiệp tại địa phương, giúp bà con nông dân áp dụng những điều hay, kỹ thuật mới vào sản xuất để “*làm giàu trên mảnh đất quê hương*”. Tất cả các đồng chí lãnh đạo xã đều xác định việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và kiến tạo sinh kế bền vững cho người dân là nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu của cấp ủy, chính quyền; có thể khẳng định, chính quyền cấp xã mới là tiền đề quan trọng, là thời cơ vận hội để tỉnh đẩy mạnh phát triển sản xuất, cơ cấu lại ngành nông nghiệp, tạo bước đột phá trong kiến tạo sinh kế, giảm nghèo bền vững cho người dân.

*Thứ tư, tạo mọi điều kiện để thu hút các thành phần kinh tế vào đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng nhà máy chế biến.* Doanh nghiệp đóng vai trò chủ đạo trong chuỗi giá trị nông nghiệp bằng cách liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ, từ đó chuẩn hóa quy trình, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm, doanh nghiệp tổ chức vùng nguyên liệu quy mô lớn, áp dụng khoa học kỹ thuật, quản lý chất lượng, phát triển thương hiệu và kết nối với thị trường, đảm bảo đầu ra ổn định, giảm thiểu rủi ro “*được mùa mất giá*” cho nông dân. Do đó, tỉnh xác định rà soát các quỹ đất để thu hút, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xây dựng nhà máy chế biến, dự án chăn nuôi tập trung. Trong Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đặt mục tiêu trong giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh sẽ thu hút các nhà đầu tư xây dựng 15 nhà máy chế biến mắc ca, cà phê, rau, quả, dược liệu và các dự án trang trại sản xuất chăn nuôi tập trung, nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi, nhà máy sản xuất phân bón.

*Thứ năm, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, thương mại điện tử để hình thành nền sản xuất nông nghiệp thông minh; ưu tiên nguồn*

*lực xây dựng, hoàn thiện hạ tầng thủy lợi, hạ tầng vùng sản xuất.* Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp để tạo đột phá về năng suất, chất lượng nông sản, hướng tới nông nghiệp bền vững: Sử dụng giống mới, thử nghiệm áp dụng công nghệ IoT, trí tuệ nhân tạo (AI) vào sản xuất. Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu: Cơ sở dữ liệu đất đai; hiện trạng sử dụng đất, dữ liệu nông hoá - thổ nhưỡng; dữ liệu thời tiết, khí hậu, thủy lợi; yêu cầu sinh thái, quy trình canh tác của từng loại cây trồng; dữ liệu mã số vùng trồng; dữ liệu liên kết chuỗi, truy xuất nguồn gốc và chứng nhận an toàn thực phẩm; dữ liệu kiểm dịch thực vật và phát thải carbon, kết nối, tích hợp với việc tự động hoá các khâu sản xuất như tưới, bón phân, thu hoạch.

Trong chuyến thăm và làm việc tại tỉnh tháng 7/2025, Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm đã chỉ đạo Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh Điện Biên: ***“Tinh thần Điện Biên Phủ cần tiếp tục được thổi lên trong thời bình như một mệnh lệnh phát triển”***. Trong thời gian tới, tỉnh Điện Biên sẽ tiếp tục kiên định mục tiêu giảm nghèo đa chiều, toàn diện, bao trùm; tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, nâng cao năng lực người dân và cộng đồng, từng bước hình thành các vùng có sinh kế bền vững. Chúng tôi nhận thức sâu sắc rằng, muốn giảm nghèo bền vững thì phải kiến tạo sinh kế bền vững; muốn sinh kế bền vững thì phải khơi dậy nội lực của người dân, trao cho họ cơ hội, niềm tin để tự vươn lên thoát nghèo. Giảm nghèo bền vững không chỉ là hỗ trợ trước mắt mà phải tạo cơ hội để người dân chủ động tạo sinh kế, nâng cao thu nhập và vươn lên bằng chính nội lực của mình. Cách tiếp cận này đặt người dân vào vị trí trung tâm, phát huy động lực từ chính bản thân, thay vì chỉ trông chờ vào sự trợ giúp từ bên ngoài. Tuy nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội ở các vùng núi, biên giới như tỉnh Điện Biên hiện nay còn gặp rất nhiều khó khăn, nguồn lực đầu tư hạn chế, tỷ lệ hộ nghèo cao. Trong bối cảnh nguồn lực đầu tư từ ngân sách còn hạn chế, đề nghị Trung ương cần tiếp tục định hướng, ban hành các chính sách đặc thù, như: Các chính sách ưu tiên, khuyến khích, hỗ trợ cao hơn cho các doanh nghiệp đầu tư vào khu vực đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới so với các khu vực khác; bổ sung nguồn lực, đặc biệt là nguồn vốn sự nghiệp của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030. Qua đó khơi thông, thu hút được các nguồn lực, tạo tiền đề, điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân.

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

### **PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN TUẦN HOÀN, TÍCH HỢP ĐA GIÁ TRỊ GẮN VỚI SẢN PHẨM OCOP, LÀNG NGHỀ VÀ DU LỊCH NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ**

Từ tháng 7 năm 2025, tỉnh Phú Thọ được thành lập trên cơ sở hợp nhất 03 tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc và Hòa Bình, tạo nên không gian phát triển mới với diện tích trên 9.300 km<sup>2</sup>, dân số khoảng 04 triệu người, có quỹ đất nông nghiệp trên 770 nghìn ha. Tỉnh hội tụ đầy đủ các tiểu vùng sinh thái từ đồng bằng, trung du đến miền núi, là cửa ngõ giao lưu giữa các tỉnh phía Bắc với Hà Nội và vùng Đồng bằng sông Hồng, sở hữu hệ thống sông hồ lớn, tài nguyên rừng phong phú cùng nhiều giá trị văn hóa đặc sắc của vùng Đất Tổ.

Trong những năm qua, tỉnh Phú Thọ đã tập trung cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, chú trọng phát triển sản xuất, đặc biệt tại vùng đồng bào DTTS, miền núi có nhiều khó khăn và đã đạt được những kết quả tích cực:

- Tốc độ tăng trưởng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giai đoạn 2021 - 2025 đạt bình quân 3,6%/năm; đã hình thành 686 vùng sản xuất tập trung với diện tích trên 82,8 nghìn ha; nhiều sản phẩm chủ lực, đặc trưng đã xây dựng được thương hiệu, tham gia Chương trình OCOP và kết nối với hoạt động du lịch như: Chè, bưởi Đoan Hùng, cam Cao Phong, chuối xuất khẩu, bò sữa, cá lồng hồ thủy điện, gỗ và sản phẩm từ gỗ, cây dược liệu...

- Sau hợp nhất, trên địa bàn tỉnh có 84/133 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 63,2% số xã trên địa bàn tỉnh; tỷ lệ hộ nghèo còn 2,68%, trong đó, tại vùng đồng bào DTTS&MN tỷ lệ hộ nghèo còn 5,34%, khoảng cách phát triển giữa các khu vực dần được thu hẹp, khả năng tiếp cận hạ tầng, giáo dục, y tế, thông tin và các dịch vụ công thiết yếu được nâng cao, các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, tốt đẹp của đồng bào các dân tộc được quan tâm bảo tồn và phát huy gắn với phát triển du lịch cộng đồng, tạo thêm sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dân, đến nay đã có 16/85 xã thoát khỏi diện đặc biệt khó khăn, chuyển ra khỏi xã khu vực III.

- Chương trình OCOP đã trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn; toàn tỉnh hiện có 592 sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên (*trong đó, có 09 sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP 5 sao*). Một số mô hình phát triển kinh tế nông thôn đa giá trị đã bước đầu phát huy hiệu quả, như: Sản xuất nông nghiệp tuần hoàn trong chăn nuôi, trồng trọt; sản xuất chè gắn với trải nghiệm du lịch tại Long Cốc, Thanh Sơn; du lịch cộng đồng gắn với bản sắc văn hóa dân tộc Mường tại khu vực Đà Bắc, Mai Châu; phát triển vùng cây ăn quả đặc sản gắn với du lịch nhà vườn; nuôi cá lồng gắn với du lịch trải nghiệm trên vùng hồ Hòa Bình.

Cùng với đó, Phú Thọ là địa phương có bề dày lịch sử, văn hóa (có 06 di tích quốc gia đặc biệt, 06 Bảo vật quốc gia, 05 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh, gần 1.000 di tích được xếp hạng, 09 nghề truyền thống, 20 làng nghề truyền thống và 95 làng nghề), 02 khu du lịch quốc gia là Khu du lịch quốc gia Đền Hùng và Khu du lịch quốc gia Tam Đảo, và hàng trăm lễ hội truyền thống đã trở thành điểm hẹn văn hóa tâm linh đặc sắc thu hút hàng triệu du khách đến hành hương, chiêm bái, tham quan du lịch... là nền tảng quan trọng để phát triển du lịch nông nghiệp, du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới và phát huy bản sắc văn hóa địa phương.

Tuy nhiên, phương thức sản xuất của tỉnh Phú Thọ hiện nay phần lớn vẫn chủ yếu theo mô hình “*nông nghiệp tuyến tính*”, truyền thống, tăng trưởng chủ yếu dựa vào sản lượng, giá trị gia tăng chưa cao, liên kết chuỗi còn hạn chế. Mỗi năm trên địa bàn tỉnh phát sinh khoảng 2 - 3 triệu tấn phụ phẩm trồng trọt cùng lượng lớn chất thải từ chăn nuôi, thủy sản nhưng tỷ lệ thu gom, tái sử dụng còn thấp; trong khi đó, nhiều sản phẩm OCOP, làng nghề và du lịch nông nghiệp, nông thôn vẫn chưa khai thác hết tiềm năng; chưa có nhiều mô hình liên kết để tích hợp “*đa giá trị*” nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm nông nghiệp.

Trong bối cảnh cả nước bước vào giai đoạn phát triển mới với mục tiêu phấn đấu tăng trưởng kinh tế ở mức hai con số trong giai đoạn 2026 - 2030 theo tinh thần các nghị quyết của Trung ương; để thực hiện được các mục tiêu trên, ngành nông nghiệp không chỉ tiếp tục giữ vai trò là trụ đỡ của nền kinh tế mà còn phải đổi mới tư duy sản xuất nông nghiệp theo hướng tích hợp đa giá trị, coi phụ phẩm nông nghiệp là tài nguyên để chuyển đổi sang mô hình phát triển nông nghiệp tuần hoàn, xanh và bền vững, đây cũng là định hướng được Bộ Nông nghiệp và Môi trường xác định sau khi họp nhất, sắp xếp lại tổ chức bộ máy vào thời điểm tháng 3/2025, đó là *Nông nghiệp tuần hoàn, Môi trường bền vững*.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn đó, tại Nghị quyết và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ Nhất, nhiệm kỳ 2025 - 2030, tỉnh Phú Thọ đã chỉ đạo xây dựng và ban hành Đề án “*Phát triển nông nghiệp tuần hoàn, tích hợp đa giá trị cho các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc sản của tỉnh gắn với xây dựng các sản phẩm OCOP và du lịch nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 - 2030*”<sup>2</sup>; đây là Đề án có ý nghĩa quan trọng, nhằm cụ thể hóa chủ trương phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh theo Nghị quyết số 19-NQ/TW và cũng là nền tảng quan trọng để triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026 - 2030; góp phần thực hiện các chỉ tiêu về “*Phát triển kinh tế nông thôn*”, “*Giảm nghèo và An sinh xã hội*”, “*Môi trường và cảnh quan nông thôn*”..., đồng thời tạo động lực mới góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số của tỉnh trong những năm tới.

<sup>2</sup> Được phê duyệt tại Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 26/5/2026 của UBND tỉnh Phú Thọ.

Đề án đặt mục tiêu đến năm 2030, tinh phân đầu hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tuần hoàn tập trung đối với các sản phẩm chủ lực (*gồm: Lúa chất lượng cao, chè, bưởi, cam, chăn nuôi bò, lợn, gia cầm, thủy sản lồng bè, gỗ và kinh tế dưới tán rừng*), phát triển mạnh các sản phẩm OCOP, nâng cao tỷ lệ tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn, tích hợp đồng bộ các giá trị kinh tế, sinh thái, văn hóa và du lịch; hình thành các chuỗi giá trị bền vững từ sản xuất, chế biến, tiêu thụ đến trải nghiệm văn hóa, du lịch, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn, bảo vệ môi trường và góp phần giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới bền vững.

Để thực hiện các mục tiêu trên, Đề án xác định 07 nhóm nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm:

*Thứ nhất*, hoàn thiện cơ chế, chính sách và khung pháp lý để thúc đẩy phát triển nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với sản phẩm OCOP và du lịch nông thôn, bảo đảm đồng bộ giữa quy hoạch sản xuất, đất đai, xây dựng và phát triển du lịch.

*Thứ hai*, đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền và nâng cao nhận thức từ các cấp, các ngành, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã đến người dân, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động, xem đây là giải pháp căn cơ để chuyển đổi mô hình tăng trưởng ngành nông nghiệp từ chiều rộng sang chiều sâu, từ sản xuất đơn giá trị sang tích hợp đa giá trị.

*Thứ ba*, triển khai các chu trình tuần hoàn và quản lý phế phụ phẩm nông nghiệp bền vững. Tập trung tổ chức thu gom, phân loại, tái sử dụng và tái chế phụ phẩm nông nghiệp thành bón hữu cơ, chế biến sinh khối, năng lượng sinh học...; thúc đẩy phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp phát thải thấp và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên trong toàn bộ chuỗi sản xuất nông nghiệp.

*Thứ tư*, tích hợp đa giá trị kinh tế - văn hóa - du lịch vào sản phẩm chủ lực và sản phẩm OCOP; bảo tồn các giá trị văn hóa bản địa và phát triển kinh tế nông thôn bền vững. Chú trọng nâng cao chất lượng, thương hiệu của sản phẩm OCOP, xây dựng mô hình du lịch trải nghiệm tại vùng chè, vùng cây ăn quả, vùng sản xuất đặc sản, làng nghề truyền thống, các điểm du lịch cộng đồng, xây dựng câu chuyện sản phẩm gắn với bản sắc văn hóa địa phương.

*Thứ năm*, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp, chế biến và tiêu thụ nông sản theo hướng tuần hoàn, hiện đại, bền vững và thân thiện với môi trường. Tập trung ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ số; xây dựng cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và các nền tảng số phục vụ quản lý, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

*Thứ sáu*, phát triển nguồn nhân lực và huy động nguồn lực đầu tư hạ tầng; đảm bảo nguồn nhân lực, hạ tầng và nguồn vốn đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp tuần hoàn, OCOP và du lịch nông thôn.

*Thứ bảy*, duy trì bền vững, nâng cao chất lượng các sản phẩm OCOP sau khi được công nhận; quản lý, kiểm soát, kiểm tra và giám sát chất lượng sản phẩm OCOP gắn với truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn an toàn, bảo vệ thương hiệu các sản phẩm OCOP.

Cũng tại Đề án trên, tỉnh sẽ thí điểm lựa chọn, triển khai xây dựng “*ít nhất 06 mô hình làng nông nghiệp tuần hoàn*” đại diện cho 03 vùng sinh thái của tỉnh, với các nội dung trọng tâm triển khai thực hiện là áp dụng đồng bộ các giải pháp tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp, bảo vệ hệ sinh thái và quản lý nông nghiệp thông minh; từ kết quả thí điểm sẽ thực hiện tổng kết, xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá và tài liệu hướng dẫn nhân rộng mô hình.

Có thể khẳng định, Đề án không chỉ là giải pháp phát triển ngành nông nghiệp mà còn là mô hình phát triển kinh tế nông thôn tổng hợp, gắn kết chặt chẽ giữa nông nghiệp, công nghiệp chế biến, thương mại, văn hóa và du lịch; tạo ra giá trị gia tăng cao hơn trên cùng một đơn vị diện tích, thúc đẩy tăng trưởng xanh, phát triển bền vững và đóng góp tích cực vào việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030.

Để thực hiện có hiệu quả Đề án trên cũng như Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026 - 2030; tỉnh Phú Thọ đề xuất một số kiến nghị với các Bộ, ngành trung ương:

- Tiếp tục hoàn thiện các quy định, hướng dẫn, cơ chế thực hiện các Chương trình MTQG theo hướng đồng bộ, linh hoạt và tăng cường phân cấp cho địa phương. Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn; phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn; tăng cường hỗ trợ các địa phương xây dựng mô hình điểm về nông nghiệp tuần hoàn gắn với OCOP, làng nghề và du lịch nông thôn.

- Quan tâm hỗ trợ nguồn lực đầu tư từ ngân sách Trung ương và các Chương trình MTQG để hỗ trợ phát triển hạ tầng cho các vùng sản xuất tập trung, các làng nghề, điểm du lịch nông thôn và các mô hình kinh tế tuần hoàn.

- Tăng cường hỗ trợ chuyên gia khoa học công nghệ, chuyển đổi số và đào tạo nguồn nhân lực và xây dựng thương hiệu sản phẩm OCOP gắn với du lịch nông thôn; hỗ trợ xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp, OCOP trong và ngoài nước.

Với quyết tâm chính trị cao, sự đồng hành tạo điều kiện hỗ trợ của các bộ, ngành Trung ương, cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân, tỉnh Phú Thọ sẽ nỗ lực cố gắng, phát huy tiềm năng, lợi thế của vùng Đất Tổ, xây dựng khu vực nông thôn phát triển xanh, văn minh, giàu bản sắc và bền vững; thực hiện thắng lợi các mục tiêu thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026 -2030 và mục tiêu tăng trưởng hai con số mà Chính phủ; Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh đã giao.

## **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

### **KIỆN TOÀN TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU PHỐI VÀ THAM MƯU TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 THEO HƯỚNG THỐNG NHẤT, TINH GỌN, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG SAU SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH**

#### **I. BỐI CẢNH MỚI VÀ YÊU CẦU ĐẶT RA ĐỐI VỚI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG SAU HỢP NHẤT**

Sau hợp nhất với tỉnh Quảng Nam, thành phố Đà Nẵng có diện tích tự nhiên 11.867,25 km<sup>2</sup>, là địa phương có quy mô diện tích lớn nhất trong các thành phố trực thuộc Trung ương. Thành phố hiện có 94 xã, phường, đặc khu; trong đó có 420 thôn vùng đồng bào DTTS&MN, 230 thôn đặc biệt khó khăn, 28 xã đặc biệt khó khăn. Khu vực miền núi và vùng đồng bào DTTS chiếm khoảng 65,4% diện tích toàn thành phố.

Như vậy, sau sắp xếp, Đà Nẵng không chỉ là trung tâm đô thị, dịch vụ, công nghiệp, đổi mới sáng tạo của khu vực miền Trung, mà còn là địa phương có không gian phát triển nông thôn, miền núi, vùng đồng bào DTTS rất rộng lớn. Đây là đặc thù mới, đồng thời là thách thức lớn đối với công tác quản trị phát triển của thành phố trong giai đoạn tới.

Việc triển khai Chương trình MTQG giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố vì vậy không chỉ là nhiệm vụ phát triển nông thôn, giảm nghèo hay hỗ trợ vùng đồng bào DTTS theo nghĩa thông thường, mà còn là nhiệm vụ chiến lược nhằm bảo đảm phát triển hài hòa giữa đô thị và nông thôn, đồng bằng và miền núi, trung tâm động lực và vùng còn khó khăn; góp phần giữ vững ổn định xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái và tạo nền tảng phát triển bền vững cho thành phố Đà Nẵng mới.

Từ thực tiễn đó, yêu cầu đặt ra trong giai đoạn mới không chỉ là triển khai một Chương trình MTQG, mà là thiết lập một cơ chế quản trị phát triển bao trùm, kết nối hiệu quả giữa đô thị động lực với khu vực nông thôn, miền núi và vùng đồng bào DTTS. Trong bối cảnh Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 đã tích hợp 03 Chương trình MTQG trước đây thành một Chương trình thống nhất, thành phố cần có mô hình chỉ đạo, điều phối và tham mưu đủ thống nhất, chuyên nghiệp, linh hoạt để triển khai một Chương trình đa mục tiêu, đa ngành, bao phủ địa bàn rộng và có mức độ khó khăn không đồng đều giữa các vùng.

#### **II. THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG CHỦ ĐỘNG KIỆN TOÀN BỘ MÁY CHỈ ĐẠO, ĐIỀU PHỐI VÀ THAM MƯU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

Ngay sau khi Quốc hội ban hành Nghị quyết số 257/2025/QH15 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG giai đoạn 2026 - 2035; Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 phê

duyet Chương trình, UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 10/02/2026 để triển khai Chương trình trên địa bàn thành phố. Nhận thức rõ tính cấp bách của việc tổ chức thực hiện Chương trình trong bối cảnh mới, lãnh đạo thành phố đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn chủ động tham mưu sớm việc kiện toàn bộ máy chỉ đạo, điều phối và giúp việc, bảo đảm không bị động, không tạo khoảng trống trong tổ chức triển khai.

Theo đó, ngày 23/4/2026, thành phố Đà Nẵng đã thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn thành phố. Việc thành lập Ban Chỉ đạo được thực hiện sớm hơn thời điểm thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương, thể hiện tinh thần chủ động, khẩn trương và trách nhiệm của thành phố.

Tiếp đó, ngày 26/5/2026, Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành quyết định tổ chức lại Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thành phố Đà Nẵng thành Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững thành phố Đà Nẵng, đặt tại Sở Nông nghiệp và Môi trường. Đây là cơ quan thường trực, giúp việc Ban Chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ điều phối hợp phần xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và tổng hợp chung tình hình thực hiện Chương trình.

Đối với hợp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, Sở Dân tộc và Tôn giáo là cơ quan chủ trì chuyên môn, phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong tham mưu, theo dõi, tổng hợp và tổ chức thực hiện. Cách tổ chức này bảo đảm vừa thống nhất đầu mối điều phối chung, vừa phát huy vai trò chuyên ngành của cơ quan phụ trách lĩnh vực dân tộc, miền núi. Mô hình kiện toàn của thành phố cơ bản phù hợp với định hướng của Trung ương về tổ chức Ban Chỉ đạo và cơ quan giúp việc Chương trình, bảo đảm nguyên tắc tinh gọn, hiệu quả, không làm phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế, nhưng vẫn tăng cường được năng lực điều phối liên ngành.

Có thể khái quát, việc thành phố Đà Nẵng chủ động kiện toàn sớm tổ chức chỉ đạo, điều phối và tham mưu đã tạo được 03 chuyển biến quan trọng:

*Thứ nhất*, thống nhất đầu mối chỉ đạo, khắc phục tình trạng mỗi chương trình, mỗi lĩnh vực vận hành theo một cơ chế riêng như giai đoạn trước.

*Thứ hai*, rút ngắn thời gian tham mưu, điều phối, nhất là trong xây dựng cơ chế, chính sách, kế hoạch vốn, hướng dẫn địa phương và tổng hợp báo cáo.

*Thứ ba*, nâng cao trách nhiệm phối hợp liên ngành, vì Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 không còn là 03 chương trình riêng lẻ, mà là một chương trình tích hợp, đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ giữa các sở, ngành và chính quyền cơ sở.

### **III. KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU TRONG KIẾN TOÀN TỔ CHỨC VÀ TẠO NỀN TẢNG TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH**

Việc chủ động kiến toàn tổ chức chỉ đạo, điều phối và tham mưu đã giúp thành phố Đà Nẵng hình thành sớm nền tảng thể chế và tổ chức để triển khai Chương trình giai đoạn 2026 - 2030.

Đặc biệt, HĐND thành phố đã thông qua Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để thành phố phân bổ nguồn lực, lồng ghép vốn, phân cấp cho cấp xã, xác định nội dung hỗ trợ, định mức hỗ trợ và tổ chức thực hiện Chương trình trong giai đoạn mới. Trên cơ sở Nghị quyết đã được ban hành, thành phố đang tập trung cụ thể hóa kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030; rà soát danh mục nhiệm vụ, dự án ưu tiên; chuẩn bị phương án phân bổ vốn trung hạn, hằng năm; đồng thời, hướng dẫn các xã, phường, đặc khu xác định nhu cầu, nội dung hỗ trợ và thứ tự ưu tiên phù hợp với điều kiện thực tiễn từng địa bàn.

Qua rà soát bước đầu, thành phố xác định các nhóm nhiệm vụ trọng tâm gồm: Hoàn thiện hạ tầng thiết yếu tại địa bàn khó khăn; bảo đảm nước sạch, vệ sinh môi trường; phát triển sinh kế, nâng cao thu nhập; giảm nghèo đa chiều; phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; phát triển du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng; bảo tồn bản sắc văn hóa gắn với sinh kế của đồng bào DTTS và nâng cao năng lực quản trị ở cấp xã sau sắp xếp.

Những kết quả bước đầu nêu trên có ý nghĩa quan trọng trong việc hạn chế khoảng trống pháp lý giữa giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030; bảo đảm Chương trình được triển khai kịp thời, thống nhất, không làm gián đoạn các nhiệm vụ đang thực hiện và tạo nền tảng cho phân bổ, lồng ghép, sử dụng hiệu quả nguồn lực trong giai đoạn mới.

### **IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TỪ THỰC TIỄN TRIỂN KHAI**

Bên cạnh kết quả bước đầu, từ thực tiễn triển khai tại thành phố Đà Nẵng, chúng tôi nhận thấy còn một số khó khăn, vướng mắc cần được Trung ương quan tâm tháo gỡ, như sau:

#### **1. Về mô hình tổ chức, nhân lực và cơ chế vận hành cơ quan điều phối Chương trình**

Hiện nay, cơ cấu, loại hình, chức năng, nhiệm vụ, chế độ làm việc của cơ quan giúp việc Chương trình ở địa phương chưa được quy định thật sự rõ, đồng bộ và thống nhất trên toàn quốc. Thực tế có thể dẫn đến tình trạng mỗi địa phương vận dụng theo một cách khác nhau, gây lúng túng trong kiến toàn tổ chức, phân công nhiệm vụ, xây dựng vị trí việc làm và bố trí nhân sự chuyên trách.

Sau sắp xếp đơn vị hành chính, nhiều địa phương, trong đó có Đà Nẵng, có diện tích tự nhiên, số lượng xã, thôn, địa bàn miền núi, vùng DTTS tăng mạnh. Trong khi đó, yêu cầu chung là không làm phát sinh tổ chức bộ máy và biên chế

mới. Chủ trương tinh gọn bộ máy là đúng đắn và cần thiết. Tuy nhiên, đối với một Chương trình tích hợp, có phạm vi rộng, nhiều nội dung chuyên môn và yêu cầu báo cáo, giám sát thường xuyên, nếu không có hướng dẫn cụ thể về cơ cấu nhân lực tối thiểu, cơ chế phân công chuyên trách và chế độ làm việc thì cơ quan điều phối địa phương sẽ chịu áp lực rất lớn.

Đối với thành phố Đà Nẵng, sau hợp nhất, khối lượng nhiệm vụ tăng mạnh, nhất là ở vùng miền núi, vùng đồng bào DTTS, trong khi bộ máy tham mưu không được tăng tương ứng. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng tham mưu, tiến độ tổng hợp, kiểm tra cơ sở và khả năng xử lý kịp thời các vướng mắc trong quá trình thực hiện Chương trình.

## **2. Về tổ chức tham mưu ở cấp xã sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp**

Sau khi tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình 02 cấp, cấp xã trở thành cấp trực tiếp triển khai phần lớn các nhiệm vụ của Chương trình. Tuy nhiên, hiện chưa có hướng dẫn thật cụ thể về mô hình tổ chức bộ phận tham mưu thực hiện Chương trình ở cấp xã, chưa xác định rõ đầu mối, nhiệm vụ, cơ chế phối hợp giữa công chức phụ trách nông nghiệp, dân tộc, giảm nghèo, tài chính - kế hoạch, xây dựng, văn hóa - xã hội. Trong khi đó, Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 đòi hỏi cấp xã phải có năng lực lập kế hoạch, lựa chọn dự án, xác định đối tượng thụ hưởng, lồng ghép nguồn lực, theo dõi giải ngân, kiểm tra hiện trường, tổng hợp báo cáo và chịu trách nhiệm giải trình. Nếu không sớm có hướng dẫn, nguy cơ quá tải và không đồng đều về chất lượng tổ chức thực hiện giữa các xã là rất lớn.

## **3. Về nguồn lực thực hiện Chương trình**

Thành phố Đà Nẵng là địa phương tự cân đối ngân sách. Tuy nhiên, sau hợp nhất với tỉnh Quảng Nam, thành phố có quy mô miền núi và vùng đồng bào DTTS rất lớn, với nhiều xã, thôn đặc biệt khó khăn. Đây là khu vực thường xuyên chịu tác động của thiên tai, bão lũ, sạt lở; nhiều công trình thiết yếu như giao thông, thủy lợi, điện, nước sạch, trường học, trạm y tế, nhà ở dân cư thường xuyên phải sửa chữa, nâng cấp hoặc đầu tư lại. Bên cạnh đó, việc thu hút doanh nghiệp đầu tư vào khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa còn rất khó khăn do chi phí đầu tư cao, điều kiện hạ tầng hạn chế, thị trường nhỏ, hiệu quả tài chính thấp và rủi ro thiên tai lớn. Khả năng huy động nguồn lực ngoài ngân sách vì vậy còn hạn chế.

Trong khi đó, nhu cầu đầu tư cho hạ tầng, an sinh xã hội, sinh kế, giảm nghèo, bảo tồn văn hóa và phát triển sản xuất là rất lớn. Nếu chỉ dựa vào nguồn ngân sách địa phương, thành phố sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc vừa thực hiện các mục tiêu của Chương trình, vừa bảo đảm các nhiệm vụ chi thường xuyên, an sinh xã hội, phòng chống thiên tai và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội khác. Theo rà soát của cơ quan tài chính, trong điều kiện nguồn lực còn khó khăn, khả năng cân đối ngân sách của thành phố cho Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 còn hạn chế. Với mức cân đối hiện nay, việc hoàn thành đầy đủ các mục tiêu đến năm 2030 sẽ chịu áp lực rất lớn nếu không có cơ chế bổ sung nguồn lực phù hợp.

## V. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Từ thực tiễn triển khai tại thành phố Đà Nẵng, chúng tôi kính đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương một số nội dung sau:

### **1. Sớm hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030**

Kính đề nghị Trung ương sớm ban hành đầy đủ, đồng bộ các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình, nhất là hướng dẫn về cơ chế quản lý, phân bổ vốn, lồng ghép nguồn lực, định mức hỗ trợ, chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện. Việc hướng dẫn cần bảo đảm thống nhất từ Trung ương đến địa phương, đồng thời có độ mở phù hợp để các địa phương vận dụng theo đặc thù sau sắp xếp đơn vị hành chính.

### **2. Có hướng dẫn cụ thể về mô hình cơ quan điều phối Chương trình ở địa phương và đầu mối tham mưu cấp xã**

Kính đề nghị Trung ương hướng dẫn rõ hơn về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, chế độ làm việc, vị trí việc làm và cơ chế phối hợp của cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình cấp tỉnh; đồng thời, hướng dẫn mô hình đầu mối tham mưu thực hiện Chương trình ở cấp xã. Đây là nội dung rất quan trọng để Chương trình được vận hành chuyên nghiệp, ổn định, tránh tình trạng mỗi địa phương tổ chức một kiểu, đồng thời tạo cơ sở cho địa phương bố trí nhân lực phù hợp, không phát sinh bộ máy nhưng vẫn bảo đảm đủ năng lực thực thi.

### **3. Có cơ chế nguồn lực phù hợp đối với địa phương tự cân đối ngân sách nhưng có vùng miền núi, DTTS lớn sau sắp xếp**

Kính đề nghị Trung ương xem xét có cơ chế hỗ trợ ngân sách phù hợp đối với các địa phương tự cân đối ngân sách nhưng sau sắp xếp đơn vị hành chính có quy mô lớn về miền núi, vùng đồng bào DTTS, còn nhiều xã, thôn đặc biệt khó khăn như thành phố Đà Nẵng.

Sau hợp nhất, tiêu chí “*địa phương tự cân đối ngân sách*” chưa phản ánh đầy đủ quy mô không gian miền núi, vùng đồng bào DTTS, số xã, thôn đặc biệt khó khăn và gánh nặng đầu tư hạ tầng thiết yếu mà thành phố phải đảm nhận. Thành phố Đà Nẵng tuy là địa phương tự cân đối ngân sách, nhưng sau hợp nhất có tính chất rất đặc thù: Vừa phải thực hiện vai trò trung tâm đô thị động lực của khu vực miền Trung, vừa phải đảm đương nhiệm vụ phát triển một không gian nông thôn, miền núi, vùng đồng bào DTTS rất rộng lớn.

Vì vậy, nguồn hỗ trợ của Trung ương, nếu được xem xét, sẽ có ý nghĩa rất lớn trong việc đầu tư hạ tầng thiết yếu, xử lý các điểm nghẽn về giao thông, nước sạch, trường học, y tế, sinh kế và giảm nghèo bền vững tại các địa bàn khó khăn;

qua đó góp phần rút ngắn khoảng cách phát triển giữa khu vực đô thị và miền núi, bảo đảm an sinh xã hội, ổn định đời sống nhân dân và củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn chiến lược.

## **VI. KẾT LUẬN**

Từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng sau hợp nhất, chúng tôi nhận thấy yêu cầu đặt ra trong giai đoạn mới không chỉ là triển khai một Chương trình MTQG, mà là thiết lập một cơ chế quản trị phát triển bao trùm, kết nối hiệu quả giữa đô thị động lực với khu vực nông thôn, miền núi và vùng đồng bào DTTS. Với quy mô địa bàn rộng, số xã, thôn đặc biệt khó khăn lớn, điều kiện tự nhiên phức tạp và yêu cầu phát triển đa mục tiêu, thành phố Đà Nẵng xác định việc kiện toàn tổ chức chỉ đạo, điều phối và tham mưu là khâu then chốt để Chương trình được triển khai thống nhất, thực chất và hiệu quả.

Thành phố cam kết phát huy tinh thần chủ động, tự lực, tự chủ, sử dụng hiệu quả nguồn lực được giao, tăng cường lồng ghép các nguồn lực hợp pháp, ưu tiên cao nhất cho vùng khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN. Đồng thời, thành phố kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương tiếp tục quan tâm hướng dẫn, hỗ trợ về cơ chế, tổ chức bộ máy và nguồn lực phù hợp với đặc thù của Đà Nẵng sau sắp xếp đơn vị hành chính.

## **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

### **GIẢI PHÁP THÁO GỖ ĐIỂM NGHÈN TRONG TỔ CHỨC THỰC HIỆN, GIẢI NGÂN VỐN CHUYÊN NGUỒN CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRONG NĂM 2026**

Thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG; Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030. Trong 06 tháng đầu năm 2026, UBND tỉnh Lạng Sơn đã triển khai, giao nhiệm vụ cho các cơ quan chuyên môn thực hiện các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh theo quy định của Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ và Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 16/4/2026 về việc kéo dài thời gian thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ và quy trình, thủ tục thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 sang năm 2026. Tập trung tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và dự thảo Kế hoạch của UBND tỉnh về thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030; ban hành Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 04/5/2026 về thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh năm 2026. Trong đó xác định mục tiêu:

- Về xây dựng nông thôn mới: Phấn đấu 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới; nhóm xã trong kế hoạch phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 tăng từ 1-2 tiêu chí; toàn tỉnh công nhận mới 20 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên.
- Về giảm nghèo bền vững: Phấn đấu giảm tỷ lệ nghèo đa chiều của tỉnh: 2%.
- Các xã khu vực III phấn đấu năm 2026 đạt từ 01 đến 02 tiêu chí chưa đạt theo khoản 2 Điều 8 Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026 - 2030.

Thực hiện Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 và Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đang chỉ đạo thực hiện xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách

của địa phương thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh; rà soát, tổng hợp xây dựng dự thảo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (*dự kiến sẽ ban hành trong tháng 6/2026*). Đồng thời, tiếp tục chỉ đạo triển khai rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2026 và Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/6/2026 về quy trình, phương pháp rà soát, công nhận cận nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo giai đoạn 2026 - 2030; thực hiện công tác phân định vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ: UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào DTTS&MN; thôn đặc biệt khó khăn, xã vùng đồng bào DTTS&MN, xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

Đối với công tác chuyên nguồn và giải ngân nguồn vốn các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025: Thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành, UBND các xã, phường rà soát, tổng hợp chuyên nguồn, điều chỉnh vốn kéo dài sang thực hiện trong năm 2026 (*của 03 Chương trình*) trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, với tổng số vốn kéo dài là 1.106.519 triệu đồng, trong đó: Nguồn vốn đầu tư công là 408.929 triệu đồng; nguồn vốn sự nghiệp (*thường xuyên*) là 697.590 triệu đồng. Kết quả giải ngân vốn ước tính đến hết tháng 6/2026: Tổng số nguồn vốn 265.000 triệu đồng (*trương ứng 23,95%*), trong đó: Nguồn vốn đầu tư công là 160.000 triệu đồng; nguồn vốn sự nghiệp là 105.000 triệu đồng. Kết quả giải ngân nguồn vốn kéo dài sang năm 2026 còn thấp do một số khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân chủ yếu sau:

- Trong 06 tháng đầu năm 2026, các cấp, các ngành phải tập trung vào thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031. Việc cho phép kéo dài thực hiện và giải ngân vốn qua nhiều năm tuy đã tháo gỡ một phần khó khăn; nhưng còn một số nội dung của nguồn vốn kéo dài sang năm 2026 hiện nay không còn nhiệm vụ chi hoặc còn nhiệm vụ chi (*thuộc Chương trình giai đoạn 2021 - 2025*) nhưng không thực hiện được (*do trùng lặp đối tượng giữa các chương trình hoặc không có đối tượng thụ hưởng*) có nhu cầu điều chỉnh sang thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, dự án đầu tư thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026 - 2030, cần phải chờ hệ thống văn bản, hướng dẫn của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 (*đặc biệt là Thông tư hướng dẫn quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình*) mới đủ cơ sở để điều chỉnh nguồn vốn và triển khai thực hiện theo quy định.

- Trong 06 tháng đầu năm 2026, các đơn vị chủ đầu tư là Ban Quản lý dự án phải tập trung rà soát danh mục, điều chỉnh chủ đầu tư sau chuyển giao và đổi

tên các Ban Quản lý dự án khu vực (*trực thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh*) về trực thuộc UBND cấp xã. Đồng thời, tập trung rà soát danh mục, nhu cầu, thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 và năm 2026 nên đã ảnh hưởng một phần đến kết quả thực hiện và tiến độ giải ngân nguồn vốn các Chương trình MTQG.

- Việc tiếp nhận bàn giao hồ sơ dự án khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy giữa các cơ quan chưa được nhịp nhàng dẫn tới quá trình triển khai dự án, nhiệm vụ thuộc Chương trình MTQG cấp xã còn lúng túng. Một số địa phương chưa chủ động triển khai thực hiện, còn phụ thuộc (*chờ*) hướng dẫn của cơ quan cấp tỉnh, thiếu cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ để triển khai thực hiện các nhiệm vụ về đầu tư, xây dựng; công chức xã chưa bắt kịp tiến độ thực hiện nhiệm vụ được giao.

Để chỉ đạo tháo gỡ điểm nghẽn trong tổ chức thực hiện, giải ngân vốn chuyên nguồn của các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 (*chuyển sang thực hiện trong năm 2026*), nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình MTQG và phân đấu giải ngân hết 100% nguồn vốn, UBND tỉnh xác định tập trung đẩy mạnh thực hiện một số giải pháp như sau:

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, hiệu quả các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, vốn ngân sách nhà nước với quyết tâm chính trị cao nhất; xác định thực hiện và giải ngân đầu tư công là nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu, là một trong các tiêu chí đánh giá cán bộ theo Quy định 366-QĐ/TW của Bộ Chính trị (*nhất là người đứng đầu các cơ quan được giao dự toán*); tập trung rà soát, khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc đã được chỉ ra trong 06 tháng đầu năm 2026.

- Tập trung chỉ đạo các cơ quan chủ trì, phụ trách các nội dung thành phần của Chương trình tiếp tục rà soát, tổng hợp các vướng mắc trong cơ chế, chính sách liên quan đến thực hiện và giải ngân vốn để tháo gỡ theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, kịp thời tháo gỡ để tạo cơ sở pháp lý đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện Chương trình.

- Chỉ đạo các đơn vị được giao làm chủ đầu tư, các đơn vị được giao dự toán ngân sách tập trung chỉ đạo, chủ động thực hiện tốt các nội dung, nhiệm vụ, dự án, công trình để đảm bảo tiến độ hoàn thành và tiến độ giải ngân theo quy định.

Để giúp các địa phương tháo gỡ điểm nghẽn, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện và giải ngân vốn Chương trình MTQG năm 2026, UBND tỉnh Lạng Sơn đề xuất, kiến nghị các bộ, ngành Trung ương một số nội dung như sau:

1. Đề nghị các Bộ: Nông nghiệp và Môi Trường, Dân tộc và Tôn giáo, Tài chính sớm tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 cho các địa phương để có thời gian chủ động triển khai thực hiện đảm bảo theo yêu cầu kế hoạch.

**2.** Đề nghị các bộ, ngành sớm ban hành hướng dẫn các nội dung thành phần được giao chủ trì để cấp tỉnh có cơ sở điều chỉnh nguồn vốn và thực hiện đối với nội dung có nhu cầu điều chỉnh sang thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030.

**3.** Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo sớm ban hành Khung chương trình đào tạo, tập huấn và Bộ tài liệu tập huấn cho cán bộ tham mưu thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026 - 2030 để cho các địa phương sớm có căn cứ triển khai chức thực hiện trong năm 2026.

## **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

### **GIẢI PHÁP THÁO GỠ ĐIỂM NGHÈN TRONG TỔ CHỨC THỰC HIỆN, GIẢI NGÂN VỐN CHUYỂN NGUỒN CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRONG NĂM 2026**

Có thể nói năm 2025 là năm đặc biệt khi từ ngày 01/7/2025 chúng ta thực hiện chuyển mô hình chính quyền địa phương 3 cấp sang 2 cấp. Bộ máy chính quyền cấp xã sau khi sắp xếp cơ bản được đổi mới, cán bộ chủ chốt cấp xã chủ yếu là cán bộ từ tỉnh và huyện chuyển xuống đảm nhận, công tác tham mưu có nhiều xáo trộn. Trước thời điểm thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, Bộ Tài chính đã có văn bản hướng dẫn về công tác tài chính cho các địa phương, tuy nhiên tại thời điểm đó khối lượng công việc bàn giao của cấp huyện, cấp xã cũ là rất lớn; nguồn vốn phân bổ cho cấp xã, cấp huyện khá lớn, nội dung thực hiện nhiều nên việc báo cáo số liệu bàn giao về nguồn vốn các Chương trình MTQG chưa đảm bảo. Bên cạnh đó sau sắp xếp chính quyền cấp xã có rất nhiều việc phải triển khai cùng một lúc; cán bộ mới phụ trách gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận và thực hiện... Nhận thức được những khó khăn đó, Nghệ An đã chủ động và quyết liệt trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện các nguồn vốn để có thể đảm bảo công tác giải ngân theo kế hoạch cũng như phát huy hiệu quả trong việc sử dụng các nguồn vốn.

#### **1. Về công tác chỉ đạo trong thời gian qua**

- Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị, địa phương được giao vốn chủ động, đẩy nhanh việc giải ngân vốn.

- UBND tỉnh đã quyết định thành lập 05 Tổ công tác thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công. Trong đó, các tổ công tác do các Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Tổ trưởng phụ trách trực tiếp đi rà soát, tháo gỡ tại chỗ cho các Chương trình MTQG tại các địa phương,

- Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã giao cho các cơ quan chủ quản Chương trình, các sở, ban, ngành và các địa phương: Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các nguồn vốn ngân sách Trung ương đã được giao. Khẩn trương rà soát, phân loại và xác định nhiệm vụ còn khả năng giải ngân, nhiệm vụ cần điều chỉnh, nội dung vượt thẩm quyền; chỉ đạo các chủ đầu tư, đơn vị sử dụng ngân sách hoàn thiện thủ tục, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán theo quy định. Đối với các nhiệm vụ chậm tiến độ, không còn khả năng thực hiện hoặc đề xuất điều chỉnh vốn, kinh phí, người đứng đầu cơ quan phải chỉ đạo xử lý theo thẩm quyền hoặc kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền để xem xét, quyết định; đồng thời, chịu trách nhiệm

đôi với các tồn tại, chậm trễ, nguyên nhân chủ quan dẫn đến không hoàn thành mục tiêu giải ngân theo kế hoạch được giao; UBND các xã, phường đẩy nhanh tiến độ thực hiện, hoàn thiện hồ sơ, nghiệm thu, thanh quyết toán đối với các nguồn vốn được kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2026; tập trung tháo gỡ khó khăn vướng mắc hoặc kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; kịp thời và đảm bảo số liệu báo cáo khi có yêu cầu của cơ quan chủ quản Chương trình MTQG; định kỳ trước ngày 15 hàng tháng báo cáo tình hình thực hiện, giải ngân, khó khăn vướng mắc và trách nhiệm xử lý gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý.

## **2. Kết quả đạt được đến nay**

Sau khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, UBND tỉnh Nghệ An đã giao cho các sở, ngành chủ trì các Chương trình MTQG chủ động, khẩn trương tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh các nguồn vốn giai đoạn 2021 - 2025 để triển khai thực hiện kịp thời đảm bảo việc giải ngân theo kế hoạch đề ra. Kết quả đến nay như sau:

- Tổng nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 các Chương trình MTQG được bố trí là 9.516,9 tỷ đồng; đến 20/5/2026 đã giải ngân được 7.456,37 tỷ đồng, đạt 78,35%. Trong đó:

+ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Vốn đầu tư phát triển đã giải ngân được 1.713,88/1.779 tỷ đồng, đạt 96,34%; vốn sự nghiệp đã giải ngân 350,55/383,64 tỷ đồng, đạt 91,37%.

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Vốn đầu tư phát triển đã giải ngân được 1.085,17/1.254 tỷ đồng, đạt 86,54%; vốn sự nghiệp đã giải ngân 801,45/918 tỷ đồng, đạt 87,3%.

+ Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN: Vốn đầu tư phát triển đã giải ngân được 2.257,01/2.750,187 tỷ đồng, đạt 82,07%; vốn sự nghiệp đã giải ngân 1.401,7/2.432,07 tỷ đồng, đạt 57,63%.

- Tổng nguồn vốn kéo dài nguồn vốn chuyển nguồn các Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 sang năm 2026 là 2.060,53 tỷ đồng, đến 20/5/2026 đã giải ngân được là 155,362 tỷ đồng, đạt 7,53%, trong đó:

+ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Vốn đầu tư phát triển đã giải ngân 1.004/66,13 tỷ đồng, đạt 1,52%; vốn sự nghiệp đã giải ngân 4,15/37,24 tỷ đồng, đạt 11,14%.

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Vốn đầu tư phát triển đã giải ngân 7,74/176,57 tỷ đồng, đạt 4,38%; vốn sự nghiệp đã giải ngân 70,04/124,61 tỷ đồng, đạt 8,06%.

+ Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN: Vốn

đầu tư phát triển đã giải ngân 38,873/532,055 tỷ đồng, đạt 7,3%; vốn sự nghiệp đã giải ngân 93,56/1.123,929 tỷ đồng, đạt 8,3%.

### **3. Khó khăn vướng mắc**

- Đối với vốn đầu tư phát triển:

+ Trong quá trình triển khai thực hiện, một số dự án phát sinh khó khăn, vướng mắc cần phải rà soát, điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp và bảo đảm hiệu quả đầu tư nên tiến độ giải ngân đến nay còn chậm. Một số dự án đầu tư phát triển có nguồn vốn lớn gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thi công và giải ngân nguồn vốn. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ điều kiện thời tiết diễn biến phức tạp, đặc biệt tại các địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa. Do ảnh hưởng của mưa lũ, nước dâng và điều kiện thi công không đảm bảo, một số công trình phải tạm ngừng triển khai hoặc chỉ duy trì với khối lượng hạn chế trong thời gian chờ điều kiện thuận lợi hơn.

+ Giá xăng dầu, vật liệu xây dựng, nhân công tăng cao đã làm gia tăng chi phí đầu tư, ảnh hưởng đến năng lực thi công của các nhà thầu cũng như tiến độ thực hiện các công trình, dự án.

+ Số lượng dự án, tiểu dự án và nội dung được giao quản lý lớn, yêu cầu cao về chuyên môn, nghiệp vụ trong các lĩnh vực như quản lý đầu tư, quản lý giá, đấu thầu, tổ chức triển khai thực hiện và thanh quyết toán nguồn vốn. Trong khi đó, đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp thực hiện công tác giảm nghèo còn hạn chế về năng lực, kinh nghiệm thực tiễn; nhiều cán bộ mới được phân công nhiệm vụ nên còn lúng túng trong quá trình tổ chức triển khai, tham mưu và xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh tại cơ sở.

+ Sau khi đã được UBND tỉnh giao làm chủ đầu tư một số xã, sở, ngành, đơn vị chậm trễ trong việc tiếp cận hồ sơ, hiện trường, các nhà thầu để tổ chức chỉ đạo, giải quyết các khó khăn, vướng mắc để thi công đẩy nhanh tiến độ. Chưa tập trung chỉ đạo sát sao đẩy nhanh tiến độ dự án; một số hạng mục công trình đơn vị thi công hoàn thành nhưng chưa được nghiệm thu, thanh toán giải ngân kịp thời.

- Đối với vốn sự nghiệp:

+ Do ảnh hưởng của quá trình sắp xếp lại theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp nên quá trình thực hiện, giải ngân cũng như rà soát, xác định số kinh phí cần phải điều chỉnh gặp khó khăn, phải mất khá nhiều thời gian. Khối lượng công việc phát sinh tại cơ sở khá lớn, trong khi đó đội ngũ cán bộ mỏng, phải kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực dẫn đến công tác nghiên cứu văn bản hướng dẫn, tham mưu triển khai các dự án chưa được thực hiện kịp thời. Chế độ báo cáo của một số đơn vị, địa phương còn chậm, số liệu chưa đảm bảo theo yêu cầu.

+ Một số địa phương mặc dù đã được bố trí kinh phí nhưng chưa thể triển khai thực hiện do chưa cân đối, bố trí được nguồn đối ứng theo quy định.

+ Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động chiếm tỷ lệ cao trong tổng số hộ nghèo của tỉnh, nên công tác triển khai hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm, hỗ trợ vốn vay, triển khai đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo gặp nhiều khó khăn. Một số đối tượng thụ hưởng còn tâm lý e ngại, chưa mạnh dạn tham gia các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất.

+ Việc xây dựng phương án hỗ trợ phát triển sản xuất, lựa chọn mô hình sinh kế phù hợp với địa phương cần nhiều thời gian khảo sát, đánh giá, lựa chọn kỹ đối tượng thụ hưởng tránh trường hợp sai sót.

+ Số vốn trung ương giao lớn (*top đầu cả nước*) nhưng mức hỗ trợ thực hiện một số nội dung theo quy định hiện hành còn thấp, dẫn đến không khuyến khích các đối tượng tham gia thực hiện Chương trình, như: Mức hỗ trợ tiền ăn cho đối tượng đào tạo nghề; mức hỗ trợ phát triển sản xuất.

+ Một số nội dung, tiêu dự án không còn đối tượng để thực hiện như: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN (*Tiểu dự án 2, Dự án 5*); Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi (*Tiểu dự án 3, Dự án 5*)...

#### **4. Giải pháp**

Để đẩy nhanh việc thực hiện và giải ngân các nguồn vốn trong thời gian tới, UBND tỉnh Nghệ An đã chủ động, quyết liệt tiếp tục chỉ đạo các sở, ban, ngành và các địa phương triển khai các nội dung, cụ thể:

- Đối với Cơ quan thường trực Chương trình:

+ Thường xuyên rà soát, tổng hợp, cập nhật tình hình phân bổ, bố trí và giải ngân nguồn vốn thực hiện các Chương trình MTQG; đôn đốc các địa phương đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân nguồn vốn được giao, bảo đảm số liệu báo cáo đầy đủ, chính xác, kịp thời phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện, tạo điều kiện để các địa phương triển khai hiệu quả công tác giải ngân vốn; định kỳ trước ngày 20 hàng tháng tổng hợp và tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các Bộ liên quan theo yêu cầu tại Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 22/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Chủ động tham mưu, đề xuất UBND tỉnh phương án điều chỉnh nguồn vốn giữa các chương trình, dự án, tiêu dự án đối với các nội dung chậm triển khai hoặc có khả năng giải ngân thấp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Đối với các sở, ban, ngành:

+ Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện và đẩy nhanh tiến độ giải ngân đối với phần kinh phí, nguồn vốn Chương trình MTQG đã được giao cho cơ quan, đơn vị quản lý; chủ động rà soát tiến độ thực hiện, kịp thời xử lý hoặc đề xuất xử

lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh, bảo đảm hoàn thành giải ngân theo kế hoạch năm 2026.

+ Tăng cường công tác hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với các lĩnh vực được phân công phụ trách; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc tiến độ triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc lĩnh vực quản lý. Chủ động phối hợp với các địa phương để kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, bảo đảm các nhiệm vụ thuộc Chương trình MTQG được triển khai đồng bộ, đúng quy định và đạt hiệu quả.

- UBND các xã, phường:

+ Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt công tác triển khai thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn; thường xuyên rà soát, đánh giá tiến độ, kết quả thực hiện từng dự án, tiểu dự án để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh. Chủ động đề xuất UBND tỉnh (*qua Cơ quan chủ trì*) phương án điều chỉnh nguồn vốn giữa các dự án, nội dung (*đối với các nội dung chậm triển khai hoặc có khả năng giải ngân thấp*), đảm bảo hoàn thành giải ngân 100% kế hoạch vốn được giao.

+ Duy trì thường xuyên công tác phối hợp, trao đổi thông tin với các sở, ngành liên quan để kịp thời được hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình. Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo; cập nhật đầy đủ tình hình, tiến độ, kết quả thực hiện và giải ngân theo yêu cầu, bảo đảm số liệu chính xác, kịp thời phục vụ công tác tổng hợp, chỉ đạo, điều hành.

## **5. Kiến nghị, đề xuất**

- Đề đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch đã đăng ký của năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030, kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính sớm tham mưu phân bổ nguồn vốn năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 và các văn bản hướng dẫn để địa phương triển khai thực hiện.

- Đề nghị các bộ, ngành Trung ương sớm ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình: Thông tư hướng dẫn của Bộ Dân tộc và tôn giáo.



## **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

### **KIỆN TOÀN TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU PHỐI VÀ THAM MƯU TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 THEO HƯỚNG THỐNG NHẤT, TÍNH GỌN, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ**

Tỉnh Quảng Trị luôn xác định công tác tổ chức chỉ đạo, điều phối và tham mưu triển khai các Chương trình MTQG giữ vai trò đặc biệt quan trọng, là yếu tố quyết định hiệu quả tổ chức thực hiện ở cơ sở. Kế thừa kết quả và kinh nghiệm triển khai giai đoạn 2021 - 2025 và quán triệt tinh thần tích hợp, đồng bộ và thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026 - 2035, tỉnh Quảng Trị xác định yêu cầu đổi mới mô hình tổ chức và phương thức điều hành theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; tăng cường tính liên thông và phối hợp đa ngành, đa lĩnh vực; đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý, điều hành; đồng thời, nâng cao phân cấp, phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của địa phương, cơ sở trong quá trình tổ chức thực hiện.

Đối với tỉnh Quảng Trị mới sau sáp nhập, không gian phát triển được mở rộng với diện tích tự nhiên hơn 12.700 km<sup>2</sup>, quy mô dân số gần 1,6 triệu người và 78 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 69 xã triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN.

Để kịp thời tổ chức triển khai thực hiện Chương trình và bám sát các định hướng, chỉ đạo của Trung ương tại Quyết định số 822/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2016/QĐ-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tỉnh Quảng Trị đã chủ động thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG (*Trưởng ban là đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh; Phó Trưởng ban Thường trực là đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh và 03 đồng chí Phó ban là Giám đốc các sở Nông nghiệp và Môi trường, Dân tộc và Tôn giáo, Tài chính*); phân công, phân nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ các tiêu chí, chỉ tiêu nông thôn mới cho các sở, ngành cấp tỉnh và xây dựng phương án tổ chức Văn phòng Điều phối chung theo hướng tích hợp nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, bảo đảm tinh gọn bộ máy, tăng cường tính liên thông trong tham mưu, điều phối và tổ chức thực hiện Chương trình từ tỉnh đến cơ sở.

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai, tỉnh Quảng Trị nhận thấy mô hình tổ chức Chương trình giai đoạn mới cần tập trung giải quyết một số vấn đề lớn sau đây:

*Thứ nhất*, về căn cứ tổ chức bộ máy điều phối và tham mưu

Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 được tích hợp từ 03 nội dung lớn với nhiều cơ quan cùng tham gia quản lý, điều hành theo chức năng nhiệm vụ được

giao. Tuy nhiên, hiện nay, việc thành lập Ban Chỉ đạo và bộ máy giúp việc đều căn cứ trên các Quyết định thành lập/kiện toàn của Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể; trong khi đó, theo điểm c, khoản 2, Điều 42, Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG nêu rõ “*Thành lập, tổ chức lại, giải thể Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, cấp xã thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ*”. Điều này dẫn đến lúng túng, thiếu thống nhất trong quá trình kiện toàn tổ chức bộ máy và tổ chức điều hành Chương trình tại các địa phương.

*Thứ hai*, hệ thống dữ liệu dùng chung phục vụ quản trị Chương trình

Hiện nay dữ liệu về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo, đồng bào DTTS... còn phân tán giữa các ngành, các cấp; chưa có nền tảng tích hợp thống nhất phục vụ công tác điều hành, giám sát và đánh giá. Việc ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý, cập nhật dữ liệu và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình còn chưa đồng bộ, chủ yếu thực hiện thủ công, thiếu liên thông giữa các hệ thống. Điều này gây khó khăn trong công tác tổng hợp, theo dõi tiến độ, xây dựng báo cáo định kỳ, đánh giá hiệu quả và chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, đơn vị.

*Thứ ba*, nhân lực thực hiện Chương trình ở cấp xã

Sau sáp nhập, địa bàn quản lý rộng hơn, khối lượng công việc tăng lên trong khi bộ máy triển khai thực hiện chương trình ở cấp xã chủ yếu mang tính kiêm nhiệm, biên chế mỏng, trong khi khối lượng công việc ngày càng lớn, yêu cầu ngày càng cao về tiến độ, chất lượng và tính chuyên sâu; công tác đào tạo, bồi dưỡng chưa đi trước một bước để đáp ứng yêu cầu thực tiễn, nhất là trong bối cảnh tích hợp 03 Chương trình MTQG, có nhiều nội dung, cơ chế chính sách thay đổi. Điều này phần nào ảnh hưởng đến tính chủ động, chiều sâu trong công tác tham mưu, tổng hợp và điều phối.

*Thứ tư*, cơ chế phối hợp giữa các sở, ngành và địa phương trong một số nội dung của Chương trình chưa thực sự đồng bộ, chặt chẽ; đặc biệt là ở một số nhiệm vụ, nội dung phát sinh trong giai đoạn mới; việc chia sẻ thông tin, theo dõi, giám sát và xử lý các vấn đề phát sinh còn chưa kịp thời.

Từ thực tiễn triển khai và những khó khăn, vướng mắc trong giai đoạn 2021 - 2025, để nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều phối và tham mưu thực hiện Chương trình trong giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Quảng Trị xác định cần tập trung triển khai một số giải pháp trọng tâm sau:

1. Tiếp tục rà soát, sắp xếp và kiện toàn Ban Chỉ đạo, bộ máy giúp việc các cấp theo hướng giảm đầu mối, giảm tầng nấc trung gian, bảo đảm một đầu mối chỉ đạo thống nhất. Tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp; xây dựng quy chế làm việc rõ ràng, cụ thể, tránh chồng chéo hoặc bỏ sót nhiệm vụ.

2. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu có trình độ chuyên môn, năng lực quản lý và kỹ năng điều hành đáp ứng yêu cầu

nhệm vụ trong giai đoạn mới. Tăng cường trao đổi kinh nghiệm, học tập các mô hình hay, cách làm hiệu quả trong và ngoài địa phương.

**3. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ công tác quản lý, điều hành, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.** Ứng dụng các nền tảng số trong quản lý tiến độ, giải ngân nguồn vốn, theo dõi chỉ tiêu và báo cáo kết quả thực hiện. Nâng cao tính công khai, minh bạch, góp phần tăng cường sự giám sát của các cơ quan chức năng và người dân.

Ngoài ra, để các giải pháp nêu trên được triển khai đồng bộ và phát huy hiệu quả trong thực tiễn, tỉnh Quảng Trị xin đề xuất một số kiến nghị với Trung ương và các bộ, ngành liên quan như sau:

**1. Đề nghị Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu ban hành hướng dẫn thống nhất về mô hình tổ chức Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG giai đoạn 2026 - 2030** theo hướng tích hợp đầy đủ các nội dung của Chương trình, bảo đảm thống nhất đầu mối tham mưu, điều phối từ tỉnh đến cơ sở.

**2. Đề nghị Trung ương xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và nền tảng số dùng chung phục vụ công tác quản lý, điều hành, báo cáo, giám sát và đánh giá Chương trình trên phạm vi toàn quốc.**

**3. Trong bối cảnh tích hợp 03 Chương trình MTQG, khối lượng công việc lớn trong khi đội ngũ cán bộ thực hiện Chương trình chủ yếu là kiêm nhiệm.** Đề nghị Trung ương nghiên cứu cơ chế bố trí cán bộ chuyên trách cấp xã nhằm bảo đảm hiệu quả tổ chức thực hiện Chương trình.

Việc kiện toàn tổ chức chỉ đạo, điều phối và tham mưu triển khai Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 theo hướng thống nhất đầu mối, tinh gọn bộ máy, đẩy mạnh số hóa trong quản lý, điều hành, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và tăng cường phân cấp gắn với trách nhiệm giải trình là yêu cầu khách quan, đồng thời là giải pháp then chốt để nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện Chương trình trong giai đoạn mới. Với sự quan tâm, chỉ đạo của Chính phủ, sự hỗ trợ tích cực của các bộ, ngành Trung ương, sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành và sự đồng thuận của Nhân dân, tin tưởng sẽ thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030, góp phần xây dựng nông thôn phát triển toàn diện, nâng cao đời sống người dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.



## **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

### **PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN THEO CHUỖI GIÁ TRỊ, GẮN VÙNG NGUYÊN LIỆU VỚI CHẾ BIẾN, LOGISTICS VÀ THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ NÔNG SẢN**

Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Lâm Đồng đã tập trung triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm phát triển kinh tế nông thôn theo hướng hiện đại, bền vững; thúc đẩy liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; gắn phát triển vùng nguyên liệu với công nghiệp chế biến, logistics và thị trường tiêu thụ.

Với sự nỗ lực của các cấp chính quyền, cộng đồng doanh nghiệp và người dân, cùng với phát huy nguồn lực từ các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, tỉnh Lâm Đồng đã đạt được nhiều thành quả đáng ghi nhận, cụ thể:

*Về phát triển vùng nguyên liệu tập trung và liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị:*

Lâm Đồng là địa phương có nhiều lợi thế về điều kiện tự nhiên, khí hậu và đất đai để phát triển nền nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao. Thời gian qua, tỉnh đã tập trung quy hoạch, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh đối với những sản phẩm chủ lực như rau, hoa, cà phê, chè, cây ăn quả và dược liệu.

Đến nay, diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh đạt khoảng 107 nghìn ha; trong đó có khoảng 1.200 ha nông nghiệp thông minh. Toàn tỉnh đã công nhận 16 vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và 09 doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao. Nhiều vùng sản xuất đã áp dụng các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ và các tiêu chuẩn quốc tế khác, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm.

Toàn tỉnh có khoảng 428 chuỗi liên kết sản xuất với gần 47.590 hộ dân tham gia; diện tích liên kết trong lĩnh vực trồng trọt đạt khoảng 85.000 ha, sản lượng khoảng 920.000 tấn mỗi năm. Các mô hình liên kết đã mang lại lợi ích rõ rệt, nông dân có đầu ra ổn định, giảm rủi ro “được mùa mất giá”; doanh nghiệp chủ động nguồn nguyên liệu đáp ứng yêu cầu chế biến, xuất khẩu; sản phẩm của tỉnh nâng cao sức cạnh tranh, khẳng định vị thế trên thị trường trong nước và quốc tế. Một số HTX đã đưa sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế vào thị trường xuất khẩu, gắn với thương hiệu địa phương, tạo giá trị gia tăng cho cả HTX, doanh nghiệp và người dân, điển hình như: HTX Hoàng Nguyên (*xuất khẩu hồ tiêu hữu cơ sang châu Âu*), HTX Tia Sáng (*chế biến chanh dây xuất khẩu sang Hàn Quốc*), HTX Thuận An (*cà phê đạt chứng nhận Fairtrade*), HTX Hòa Lệ và HTX Hàm Đức (*thanh long sạch, sản phẩm OCOP 3 - 4 sao, rượu thanh long*), HTX Tân Tiến, HTX Nguyễn Minh, HTX vườn nhà Đà Lạt và HTX Thủy Canh Việt (*rau, hoa liên kết với doanh nghiệp TP. Hồ Chí Minh theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP*).

Các hợp tác xã nông nghiệp từng bước được củng cố và đổi mới hoạt động; nhiều doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, hình thành các chuỗi liên kết sản xuất, thu mua, sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Các sản phẩm OCOP ngày càng đa dạng, chất lượng được nâng cao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực nông thôn.

Đặc biệt, thị trường xuất khẩu tiếp tục được mở rộng đến nhiều quốc gia và khu vực như Nhật Bản, Hàn Quốc, Liên minh châu Âu, Hoa Kỳ, Trung Đông và ASEAN, qua đó nâng cao giá trị gia tăng và khẳng định thương hiệu nông sản Lâm Đồng trên thị trường quốc tế.

*Về phát triển công nghiệp chế biến nông sản:*

Xác định chế biến là khâu then chốt để gia tăng giá trị sản phẩm, tỉnh đã đẩy mạnh thu hút đầu tư các cơ sở sơ chế, chế biến hiện đại.

Trong lĩnh vực nông sản, Lâm Đồng đã hình thành được mạng lưới khoảng 508 cơ sở sơ chế, đóng gói, với sản lượng lên tới 1,53 triệu tấn/năm. Đây là nền tảng quan trọng cho phát triển công nghiệp chế biến gắn với vùng nguyên liệu. Nhiều doanh nghiệp đã đầu tư dây chuyền chế biến cà phê, chè, rau, hoa, trái cây và các sản phẩm nông nghiệp khác theo tiêu chuẩn thị trường trong nước và xuất khẩu. Hoạt động chế biến đã góp phần giảm áp lực tiêu thụ sản phẩm tươi, kéo dài thời gian bảo quản, nâng cao giá trị sản phẩm và tăng khả năng cạnh tranh của nông sản địa phương.

*Về mở rộng thị trường tiêu thụ và phát triển logistics:*

Lâm Đồng tích cực triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, xây dựng thương hiệu và phát triển thương mại điện tử.

Nhiều sản phẩm nông sản của tỉnh đã có mặt trong các hệ thống phân phối lớn trong nước và xuất khẩu đến nhiều thị trường quốc tế. Hiện sản lượng cà phê của tỉnh đạt trên 1 triệu tấn/năm; rau khoảng 3,5 triệu tấn; hoa khoảng 4,6 tỷ cành/năm. Toàn tỉnh có hơn 1.200 mã số vùng trồng và trên 300 mã số cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu. Nông sản Lâm Đồng đã có mặt tại nhiều thị trường lớn như Trung Quốc, Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu (EU), Nhật Bản, Hàn Quốc và Australia.

Hạ tầng logistics, kho lạnh và hệ thống bảo quản sau thu hoạch từng bước được đầu tư, góp phần giảm chi phí lưu thông, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng lực cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp.

Việc phát triển kinh tế nông thôn theo chuỗi giá trị đã tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, nhất là khu vực nông thôn, vùng đồng bào DTTS&MN, góp phần quan trọng trong thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Có thể khẳng định rằng, trong thời gian qua, việc triển khai đồng bộ 03 Chương trình MTQG gồm: Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG phát triển

kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN là một chủ trương lớn, đúng đắn của Đảng và Nhà nước, mang ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn góp phần phát triển bền vững đất nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, phát triển kinh tế nông thôn theo chuỗi giá trị vẫn còn một số khó khăn, hạn chế:

- Quy mô sản xuất của nhiều hộ nông dân còn nhỏ lẻ, manh mún; việc tổ chức sản xuất theo chuỗi liên kết chưa đồng đều.

- Năng lực quản trị, khả năng tiếp cận thị trường của một số hợp tác xã còn hạn chế; cơ chế liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân vẫn gặp phải một số khó khăn vướng mắc.

- Hệ thống chế biến sâu, bảo quản sau thu hoạch và hạ tầng logistics chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

- Liên kết giữa vùng nguyên liệu với cơ sở chế biến chưa thực sự bền vững; tình trạng đứt gãy liên kết vẫn xảy ra khi thị trường biến động.

- Khó khăn trong tiếp cận vốn đầu tư, đất đai, công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và những biến động của thị trường quốc tế ngày càng lớn.

Từ thực tiễn triển khai 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm:

*Thứ nhất*, cần xác định phát triển kinh tế nông thôn theo chuỗi giá trị là nhiệm vụ trọng tâm trong cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

*Thứ hai*, phát huy vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp, đồng thời nâng cao năng lực của hợp tác xã để làm cầu nối giữa người sản xuất với thị trường.

*Thứ ba*, chú trọng quy hoạch, phát triển vùng nguyên liệu ổn định, đáp ứng yêu cầu về sản lượng, chất lượng và truy xuất nguồn gốc; phát triển vùng nguyên liệu gắn với chế biến logistics và mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản.

*Thứ tư*, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất, quản lý vùng trồng, quản trị chuỗi cung ứng và xúc tiến thương mại.

*Thứ năm*, tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành và huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội cho phát triển kinh tế nông thôn.

Trong giai đoạn tới, Lâm Đồng định hướng phát triển trở thành trung tâm kinh tế nông nghiệp xanh, nông nghiệp công nghệ cao, trung tâm chế biến nông sản và logistics nông nghiệp của khu vực Tây Nguyên - Nam Trung Bộ; phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, sinh thái, tuần hoàn và hội nhập quốc tế; gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và nâng cao đời sống người dân nông thôn.

Để hiện thực hóa mục tiêu đó, tỉnh tập trung thực hiện các giải pháp trọng tâm sau:

*Một là*, chuyển mạnh từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy phát triển kinh tế nông nghiệp; lấy thị trường làm định hướng, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực, người dân và doanh nghiệp làm trung tâm của quá trình phát triển.

*Hai là*, phát triển các vùng nguyên liệu tập trung quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và phát triển xanh; đẩy mạnh chuyển đổi số trong toàn bộ chuỗi sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản.

*Ba là*, thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến sâu và hệ thống logistics hiện đại; hình thành các trung tâm chế biến, bảo quản và phân phối nông sản gắn với vùng nguyên liệu và hệ thống giao thông liên vùng.

*Bốn là*, phát triển mạnh kinh tế tập thể, hợp tác xã kiểu mới; nâng cao năng lực quản trị và tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị; xây dựng hợp tác xã thực sự trở thành cầu nối giữa nông dân với doanh nghiệp, thị trường và các tổ chức khoa học công nghệ.

*Năm là*, mở rộng thị trường tiêu thụ và nâng cao giá trị thương hiệu nông sản; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, thương mại điện tử; phát triển thương hiệu nông sản địa phương gắn với thương hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành”; chủ động tham gia sâu hơn vào các chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế.

*Sáu là*, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực nông nghiệp, nông thôn; tăng cường đào tạo kỹ năng quản trị, ứng dụng công nghệ số, thương mại quốc tế và thích ứng với các tiêu chuẩn xanh, tiêu chuẩn carbon của thị trường toàn cầu.

Để tiếp tục thực hiện hiệu quả phát triển kinh tế nông thôn theo chuỗi giá trị trong giai đoạn tới, tỉnh Lâm Đồng kính đề nghị Trung ương quan tâm một số nội dung sau:

*Thứ nhất*, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn theo chuỗi giá trị; có chính sách ưu đãi đủ mạnh để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt trong lĩnh vực chế biến sâu và logistics nông sản.

*Thứ hai*, ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển các vùng nguyên liệu tập trung quy mô lớn; hỗ trợ xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc và áp dụng các tiêu chuẩn sản xuất tiên tiến đáp ứng yêu cầu thị trường.

*Thứ ba*, quan tâm hỗ trợ đầu tư hệ thống kho lạnh, trung tâm logistics nông nghiệp, cơ sở bảo quản và chế biến sâu; nâng cao năng lực kết nối giữa vùng nguyên liệu với các trung tâm tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

*Thứ tư*, khuyến khích phát triển các mô hình hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; tăng cường vai trò của doanh nghiệp và hợp tác xã trong tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; xây dựng các chuỗi liên kết bền vững, hài hòa lợi ích giữa các chủ thể tham gia.

*Thứ năm*, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, quản lý và tiêu thụ sản phẩm; mở rộng thương mại điện tử, xúc tiến thương mại và phát triển thương hiệu nông sản Việt Nam trên thị trường quốc tế.

*Thứ sáu*, tăng cường đào tạo nghề, đào tạo kỹ năng quản trị, chuyển đổi số và kỹ năng kinh doanh cho người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp; xây dựng đội ngũ nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp hiện đại.

Khi vùng nguyên liệu được tổ chức bài bản, công nghiệp chế biến phát triển hiện đại, hệ thống logistics được kết nối thông suốt và thị trường được mở rộng, kinh tế nông thôn sẽ chuyển mạnh từ tăng trưởng dựa vào sản lượng sang tăng trưởng dựa vào giá trị gia tăng, tạo nền tảng vững chắc cho mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và hội nhập sâu rộng trong giai đoạn mới.

Với quyết tâm chính trị cao, sự đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã và Nhân dân; cùng với nguồn lực từ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025 và các nguồn lực khác từ xã hội, tinh Lâm Đồng tin tưởng sẽ tiếp tục phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế để xây dựng nền kinh tế nông nghiệp hiện đại, xanh và bền vững.



## **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

### **THỰC HIỆN PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN TRONG TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 THEO MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP: PHÁT HUY VAI TRÒ CHỦ ĐỘNG, LINH HOẠT VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

Thực hiện Nghị quyết 202/2025/QH15 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tỉnh Tây Ninh (*mới*) có diện tích tự nhiên khoảng 8.536 km<sup>2</sup>, dân số trên 3,2 triệu người, với quy mô kinh tế thuộc nhóm khá của khu vực phía Nam. Không gian phát triển của tỉnh mang tính tổng hợp, vừa có công nghiệp - đô thị - logistics phát triển, vừa có vùng nông nghiệp, biên giới và khu vực đồng bào DTTS, tạo ra yêu cầu cao về tổ chức thực hiện chính sách theo hướng linh hoạt, phân cấp mạnh và phù hợp thực tiễn.

Trong thời gian qua, tỉnh Tây Ninh đã tập trung triển khai đồng bộ Chương trình và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Đến nay, trên 81% số xã trong tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025. Hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư đồng bộ với trên 13.257 km đường giao thông nông thôn; 99,96% hộ dân sử dụng điện an toàn; hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất với 5.685 tuyến kênh, rạch và 30 trạm bơm; tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt 75%. Lĩnh vực giáo dục, y tế tiếp tục được nâng cao; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 91,64%.

Công tác giảm nghèo bền vững đạt kết quả tích cực, tỉnh đã triển khai 62 mô hình, dự án giảm nghèo; kết hợp đào tạo nghề, tư vấn việc làm, hỗ trợ sinh kế và cải thiện dinh dưỡng cho hộ nghèo và cận nghèo. Đến năm 2025, số hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều trên địa bàn tỉnh giảm còn 10.225 hộ, chiếm 1,3%, giảm 1,66% so với năm 2022, dự kiến đến cuối giai đoạn cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn đa chiều của Trung ương.

Kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục phát triển ổn định, thu nhập bình quân đầu người đạt 63.5 triệu đồng/năm (*tăng 12,6 triệu đồng so năm 2020*), cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; thu hút đầu tư duy trì ở mức khá của khu vực Đông Nam Bộ. An sinh xã hội được bảo đảm, dự kiến bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân đến năm 2030, đời sống người dân ngày càng được nâng lên.

Cùng với đó, thực hiện chủ trương đổi mới tổ chức bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tỉnh Tây Ninh đã đạt một số kết quả quan trọng: (1) Bộ máy hành chính tinh gọn hơn, giảm tầng nấc trung gian, rút ngắn thời gian xử lý công việc, nâng cao hiệu lực điều hành; (2) Phân định thẩm quyền rõ hơn giữa các cấp, đặc biệt trong đầu tư công, quản lý chương trình và giải quyết thủ tục hành chính; (3) Cấp xã được trao quyền thực chất hơn, chủ động hơn trong lựa chọn danh mục công trình, mô hình sinh kế và tổ chức thực hiện các chính

sách an sinh; (4) Chất lượng phục vụ người dân được nâng lên, thời gian giải quyết thủ tục hành chính giảm, mức độ hài lòng tăng; (5) Cơ chế phối hợp liên thông hiệu quả hơn, giảm tình trạng chồng chéo, đùn đẩy trách nhiệm.

Đây là nền tảng quan trọng để tỉnh tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền thực chất trong giai đoạn 2026 - 2030. Tỉnh đã đề ra mục tiêu cụ thể đến năm 2030 như sau: (1) Phân đầu tăng thu nhập bình quân của người dân nông thôn gấp 2,5 - 3 lần so với năm 2020, tăng thu nhập bình quân của người DTTS bằng 1/2 bình quân chung của tỉnh; (2) Phân đầu đến năm 2030, không còn hộ nghèo (*theo chuẩn nghèo Trung ương giai đoạn 2026 - 2030*); (3) Phân đầu vùng đồng bào DTTS&MN cơ bản không còn xã khó khăn; (4) Phân đầu có 82/82 xã đạt chuẩn NTM (*100% số xã, có 19 xã biên giới*), trong đó, có 10 xã đạt chuẩn NTM hiện đại (*12% số xã đạt chuẩn NTM*).

Thực tiễn cho thấy, nơi nào phân cấp, phân quyền mạnh, rõ trách nhiệm thì nơi đó triển khai Chương trình nhanh hơn, hiệu quả hơn và sát với nhu cầu thực tế của người dân hơn. Ngược lại, nếu còn nhiều tầng nấc trung gian, thủ tục kéo dài, thẩm quyền chưa rõ ràng thì hiệu quả sử dụng nguồn lực chưa tương xứng với yêu cầu phát triển. Vì vậy, việc tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình 02 cấp là cơ hội quan trọng để đổi mới phương thức quản trị theo hướng rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm và rõ kết quả.

Từ thực tiễn đó, tỉnh Tây Ninh xin kiến nghị một số nội dung:

*Thứ nhất*, tiếp tục hoàn thiện thể chế theo hướng phân cấp, phân quyền thực chất, trong đó Trung ương giữ vai trò kiến tạo, ban hành cơ chế, tiêu chuẩn, hướng dẫn và tăng cường giám sát; địa phương được chủ động hơn trong tổ chức thực hiện và quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền.

*Thứ hai*, tăng cường phân cấp mạnh hơn cho cấp xã, nhất là trong lựa chọn danh mục công trình, mô hình sinh kế và các giải pháp giảm nghèo phù hợp từng địa bàn.

*Thứ ba*, tạo cơ chế linh hoạt hơn trong quản lý và sử dụng nguồn lực, cho phép địa phương chủ động lồng ghép, điều chỉnh và phân bổ vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia.

*Thứ tư*, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý, điều hành và giám sát, xây dựng hệ thống dữ liệu thống nhất từ Trung ương đến địa phương, theo dõi tiến độ và kết quả thực hiện theo thời gian thực.

*Thứ năm*, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ cơ sở, gắn phân cấp với đào tạo, bồi dưỡng và có cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Với quyết tâm chính trị cao, sự đồng thuận của Nhân dân và sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương, tỉnh Tây Ninh cam kết tiếp tục phát huy tinh thần chủ động, linh hoạt và trách nhiệm; tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giai đoạn 2026 - 2030, góp phần xây dựng nông thôn mới bền vững, giảm nghèo đa chiều và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS ngày càng thực chất, hiệu quả.

## **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

### **MỘT SỐ KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU TRONG VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030, KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN THEO MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP TRONG VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Ngay từ đầu nhiệm kỳ 2025 - 2030, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp đã xác định mục tiêu đến năm 2030 tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo chuẩn giai đoạn 2026 - 2030 và không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027 - 2030. Đây là mục tiêu có ý nghĩa quan trọng, thể hiện quyết tâm chính trị cao của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh trong phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống người dân.

Trên cơ sở đó, tỉnh Đồng Tháp đã chủ động quán triệt, chuẩn bị các điều kiện cần thiết và triển khai thực hiện Chương trình từ rất sớm. Đặc biệt, sau khi Quốc hội ban hành Nghị quyết số 257/2025/QH15 phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026 - 2035; Chính phủ ban hành Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội; cùng với các nghị định, quyết định và văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương, tỉnh đã khẩn trương tổ chức triển khai đồng bộ các nhiệm vụ theo quy định.

Đến nay, công tác chuẩn bị và triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh đã đạt được một số kết quả bước đầu như sau:

- Tổ chức quán triệt, triển khai đầy đủ các chủ trương, quy định, cơ chế, chính sách của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương đến các sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội và địa phương trên địa bàn tỉnh để chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện.

- Tỉnh đã ban hành Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 về phân loại các xã theo nhóm để áp dụng Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, Đồng Tháp có 102 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 82 xã và 20 phường. Trên cơ sở rà soát theo quy định của Trung ương, tỉnh xác định có 23 xã nhóm 1 và 59 xã nhóm 2, không có xã nhóm 3. Việc phân loại này là cơ sở quan trọng để xây dựng lộ trình, giải pháp

và phân bổ nguồn lực phù hợp với điều kiện phát triển của từng địa phương, bảo đảm tổ chức thực hiện hiệu quả mục tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

Qua rà soát sơ bộ theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030, mức độ đạt chuẩn của các xã trên địa bàn tỉnh còn thấp, bình quân đạt khoảng 2,5 tiêu chí/xã. Hiện nay, đa số các xã cơ bản đạt các tiêu chí về giảm nghèo, an sinh xã hội và hệ thống chính trị; tuy nhiên, còn nhiều khó khăn đối với các tiêu chí về quy hoạch, hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển kinh tế nông thôn, giáo dục, y tế, văn hóa, khoa học công nghệ, chuyển đổi số, môi trường và bảo đảm an ninh trật tự.

Nguyên nhân chủ yếu là do yêu cầu của Bộ tiêu chí giai đoạn mới được nâng cao, trong khi nhiều công trình hạ tầng đã xuống cấp, nhu cầu đầu tư rất lớn; công tác quy hoạch đang trong quá trình triển khai theo quy hoạch tỉnh điều chỉnh; việc chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp còn nhiều thách thức; hạ tầng phục vụ chuyển đổi số, bảo vệ môi trường và các thiết chế văn hóa, giáo dục, y tế ở nhiều địa phương chưa đáp ứng yêu cầu. Đây là những vấn đề tỉnh đang tập trung chỉ đạo, xây dựng lộ trình và huy động các nguồn lực để từng bước thực hiện, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

- Ban hành Kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; đồng thời, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét ban hành Nghị quyết chuyên đề về lãnh đạo thực hiện công tác xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững đến năm 2030; đề xuất ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo nhằm tạo sự thống nhất trong tổ chức thực hiện từ tỉnh đến cơ sở tại Kế hoạch số 629/KH-UBND ngày 10/5/2026 về thực hiện công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2030 và năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Đã rà soát hoàn chỉnh các văn bản quan trọng để triển khai Chương trình, gồm: Quyết định ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh ngay sau khi các Bộ, ngành Trung ương hoàn thành việc ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn; Kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030.

Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đang trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh tại kỳ họp giữa năm 2026. Đây sẽ là cơ sở quan trọng để tỉnh chủ động phân bổ nguồn lực và triển khai thực hiện ngay sau khi Trung ương giao kế hoạch vốn thực hiện Chương trình.

Trên cơ sở các điều kiện đã được chuẩn bị và các cơ chế, chính sách đang từng bước hoàn thiện, tỉnh Đồng Tháp phấn đấu đến năm 2030 không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030; 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia giai đoạn 2026 - 2030; có ít nhất 09 xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại và tỉnh được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

Có thể khẳng định rằng, mặc dù Chương trình mới bước vào giai đoạn đầu triển khai, song với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, sự chủ động của địa phương cùng quyết tâm của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận của Nhân dân, tỉnh Đồng Tháp đã cơ bản hoàn thành các điều kiện chuẩn bị cần thiết, tạo nền tảng thuận lợi để triển khai hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trong giai đoạn 2026 - 2030, góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống người dân một cách bền vững.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN THEO MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP**

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về đổi mới tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tỉnh Đồng Tháp xác định phân cấp, phân quyền là giải pháp quan trọng nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo, nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương trong tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG.

Trong giai đoạn 2021 - 2025, việc thực hiện phân cấp, phân quyền đối với Chương trình xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh được triển khai nghiêm túc, đúng quy định tại Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Theo đó, thẩm quyền giữa cấp tỉnh và cấp xã được phân định rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức thực hiện. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ, xem xét, đề nghị công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; chỉ đạo triển khai công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo quy định. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công bố kết quả công nhận các xã đạt chuẩn nông thôn mới và xem xét, cho ý kiến đối với kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

Đối với cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã được giao chủ động tổ chức đánh giá, lấy ý kiến, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; xây dựng và triển khai kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; đồng thời, chịu trách nhiệm trực tiếp trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình trên địa bàn quản lý. Qua thực tiễn triển khai cho thấy, việc phân

cấp đã góp phần rút ngắn quy trình xử lý công việc, nâng cao trách nhiệm của chính quyền cơ sở và phát huy hiệu quả nguồn lực tại địa phương.

Bước sang giai đoạn 2026 - 2030, các văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn của Trung ương đã tiếp tục hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền, đồng thời phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền giữa các cấp chính quyền trong tổ chức thực hiện Chương trình. Theo đó, Trung ương tập trung thực hiện chức năng ban hành cơ chế, chính sách, tiêu chí, định mức, hướng dẫn và kiểm tra, giám sát; địa phương được giao chủ động hơn trong công tác tổ chức thực hiện, huy động nguồn lực, lồng ghép các chương trình, dự án và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện trên địa bàn.

Trên cơ sở đó, tỉnh Đồng Tháp sẽ tiếp tục quán triệt, triển khai đầy đủ các quy định của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương; đồng thời, chủ động cụ thể hóa các cơ chế, chính sách, quy định và hướng dẫn thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Tỉnh cũng sẽ tăng cường phân công, phân cấp gắn với kiểm tra, giám sát; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ cơ sở; đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý, điều hành và theo dõi kết quả thực hiện Chương trình.

Với quyết tâm chính trị cao, sự đồng thuận của cả hệ thống chính trị và Nhân dân, tỉnh Đồng Tháp tin tưởng sẽ triển khai hiệu quả các Chương trình MTQG giai đoạn 2026 - 2030, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững trên địa bàn tỉnh.

Phát huy những kết quả đạt được trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Đồng Tháp xác định tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai hiệu quả các Chương trình MTQG giai đoạn 2026 - 2030, với quyết tâm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ mà Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã giao.

Tỉnh Đồng Tháp cam kết đồng hành cùng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình; huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân nhằm triển khai đồng bộ các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Đồng thời, tỉnh phấn đấu trở thành một trong những địa phương được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 vào năm 2030.

### III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nhân dịp Hội nghị này, để tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong việc hoàn thiện các quy định, cơ chế và tổ chức triển khai Chương trình theo đúng tiến độ yêu cầu của Trung ương, tỉnh Đồng Tháp kính đề xuất một số kiến nghị như sau:

*Thứ nhất*, đề nghị các Bộ, cơ quan Trung ương khẩn trương ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 để địa phương có cơ sở pháp lý đầy đủ trong việc rà soát hiện trạng, xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch, cân đối nguồn lực và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình bảo đảm kịp thời, đồng bộ, hiệu quả và bền vững.

*Thứ hai*, kiến nghị Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam sớm ban hành hướng dẫn về việc tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030, tạo điều kiện để các địa phương chủ động triển khai thực hiện và hoàn thiện hồ sơ đánh giá, công nhận theo quy định.

Một lần nữa, tỉnh Đồng Tháp xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và sự phối hợp, hỗ trợ của các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.



## **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

### **THỰC HIỆN PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN TRONG TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS THEO MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP: PHÁT HUY VAI TRÒ CHỦ ĐỘNG, LINH HOẠT VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Ngày 11/12/2025, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 257/2025/QH15 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026 - 2035. Đây là quyết sách có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng, thể hiện tư duy đổi mới trong phát triển nông thôn, bảo đảm an sinh xã hội và phát triển bao trùm; đồng thời tạo khuôn khổ để đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phát huy vai trò chủ động của địa phương trong tổ chức thực hiện.

Việc hợp nhất 03 Chương trình MTQG thành một Chương trình thống nhất và triển khai trong điều kiện cả nước thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp là bước chuyển lớn về tư duy quản trị phát triển. Trong bối cảnh đó, phân cấp, phân quyền không chỉ là giải pháp tổ chức thực hiện mà đã trở thành yêu cầu tất yếu nhằm rút ngắn khoảng cách giữa chính sách và thực tiễn, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng địa phương.

Là thành phố trực thuộc Trung ương, trung tâm động lực của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, thành phố Cần Thơ nhận thức sâu sắc rằng việc triển khai thành công Chương trình không chỉ có ý nghĩa đối với sự phát triển của địa phương mà còn góp phần cung cấp những kinh nghiệm thực tiễn cho khu vực và cả nước trong tổ chức thực hiện Chương trình theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Sau sáp nhập, thành phố Cần Thơ có 103 đơn vị hành chính cấp xã, với không gian phát triển rộng lớn và đa dạng, bao gồm khu vực đô thị trung tâm, vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm, vùng ven biển, vùng cù lao, vùng chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Sự khác biệt về điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển và nhu cầu đầu tư giữa các địa bàn đặt ra yêu cầu phải đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, trao quyền chủ động nhiều hơn cho cấp cơ sở trong lựa chọn nhiệm vụ ưu tiên, phân bổ nguồn lực và tổ chức thực hiện. Đây cũng là điều kiện để chính sách được triển khai sát thực tiễn, phát huy hiệu quả và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân.

Bước vào giai đoạn 2026 - 2030, thành phố Cần Thơ có điều kiện thuận lợi khi kế thừa những kết quả quan trọng từ quá trình xây dựng nông thôn mới của 03 địa phương trước khi sáp nhập là thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang và tỉnh

Sóc Trăng. Trong giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình đã tạo chuyển biến tích cực trên nhiều lĩnh vực, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn và vùng dân tộc thiểu số tiếp tục được đầu tư hoàn thiện, diện mạo nông thôn ngày càng khởi sắc, đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, đồng bào DTTS được nâng lên rõ rệt. Những kết quả đó đã tạo tiền đề quan trọng để thành phố triển khai Chương trình giai đoạn mới với quy mô lớn hơn, yêu cầu cao hơn và phương thức quản lý phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Từ thực tiễn triển khai Chương trình trong những tháng đầu giai đoạn 2026 - 2030, thành phố Cần Thơ nhận thấy mô hình chính quyền địa phương 02 cấp cùng với cơ chế phân cấp, phân quyền của Trung ương đã tạo điều kiện để địa phương phát huy rõ nét tính chủ động, linh hoạt và trách nhiệm trong tổ chức thực hiện Chương trình.

Ngay sau khi Trung ương ban hành các văn bản khung của Chương trình, thành phố đã chủ động triển khai đồng bộ nhiều nhiệm vụ thuộc thẩm quyền địa phương, không trông chờ, không phụ thuộc hoàn toàn vào các hướng dẫn chuyên ngành. Trọng tâm là tham mưu xây dựng Nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về lãnh đạo thực hiện Chương trình; xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030; rà soát, phân loại các nhóm xã; xây dựng Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới hiện đại áp dụng trên địa bàn thành phố theo các nội dung được Trung ương phân cấp.

Tinh thần chủ động đó còn được thể hiện trong việc sớm kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG thành phố và cấp xã; thành lập Văn phòng Điều phối các Chương trình MTQG thành phố theo mô hình thống nhất, thực hiện chức năng tham mưu, điều phối chung đối với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN. Đây là mô hình phù hợp với yêu cầu quản lý Chương trình trong điều kiện mới, góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp liên ngành, giảm đầu mối trung gian và bảo đảm công tác chỉ đạo, điều hành được thông suốt từ thành phố đến cơ sở.

Bên cạnh đó, thành phố đã linh hoạt cụ thể hóa các chủ trương của Trung ương bằng những mô hình gần dân, sát dân và dễ thực hiện như Bộ tiêu chí “*Nhà tôi nông thôn mới*”, “*Tuyến đường nông thôn mới kiểu mẫu*”; qua đó đưa các mục tiêu, tiêu chí nông thôn mới đến từng hộ gia đình, từng tuyến đường, từng khu dân cư, phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới.

Đối với các nội dung được phân cấp, thành phố luôn xác định rõ quan điểm: Phân cấp phải gắn với trách nhiệm, giao quyền phải gắn với trách nhiệm giải trình và hiệu quả thực hiện. Vì vậy, cùng với việc hoàn thiện cơ chế, chính sách, thành phố đã chủ động phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị; tổ chức hướng dẫn, tập huấn, hỗ trợ địa phương xây dựng lộ trình thực hiện, rà soát tiêu chí và chuẩn bị nguồn lực ngay từ đầu giai đoạn. Đồng thời, thành phố cũng chủ

động xây dựng cơ chế phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ chi tiết nguồn vốn thực hiện Chương trình nhằm phát huy tính tự chủ, nâng cao trách nhiệm và đẩy nhanh tiến độ triển khai tại cơ sở.

Tuy nhiên, quá trình triển khai Chương trình theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp vẫn còn một số khó khăn, thách thức. Sau sáp nhập, địa bàn quản lý rộng hơn, số lượng đơn vị hành chính cấp xã tăng lên trong khi đội ngũ cán bộ cơ sở phải đảm nhiệm khối lượng công việc lớn hơn trước. Chương trình hợp nhất cũng đặt ra yêu cầu quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, đòi hỏi cán bộ cơ sở phải nhanh chóng nâng cao năng lực về quản lý đầu tư, tài chính, chuyển đổi số và khai thác dữ liệu. Bên cạnh đó, một số cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn chuyên ngành vẫn đang trong quá trình hoàn thiện; hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, giám sát Chương trình chưa thật sự đồng bộ giữa các cấp, các ngành.

*Từ thực tiễn đó, thành phố Cần Thơ xin đề xuất một số kiến nghị:*

*Thứ nhất*, đề nghị Trung ương tiếp tục hoàn thiện và sớm ban hành đồng bộ hệ thống cơ chế, chính sách và các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình. Việc ban hành kịp thời, thống nhất các văn bản hướng dẫn sẽ tạo điều kiện để địa phương chủ động cụ thể hóa và triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung được phân cấp; hạn chế tình trạng chờ đợi hướng dẫn, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân nguồn vốn Chương trình.

*Thứ hai*, tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo hướng giao quyền thực chất cho địa phương và cấp xã. Trung ương tập trung vào xây dựng thể chế, ban hành chính sách, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả; đồng thời, mở rộng thẩm quyền cho địa phương trong quyết định lựa chọn mô hình điều hành và phương thức tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn. Chỉ khi địa phương, nhất là cấp cơ sở được trao quyền đầy đủ và đi đôi với trách nhiệm giải trình thì Chương trình mới phát huy được hiệu quả cao nhất.

*Thứ ba*, quan tâm đào tạo, nâng cao năng lực chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình trong điều kiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Đây là lực lượng trực tiếp triển khai chính sách, trực tiếp làm việc với người dân và quyết định phần lớn hiệu quả thực hiện Chương trình. Do đó, cần tăng cường các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về quản lý chương trình, quản lý đầu tư, quản lý tài chính, chuyển đổi số, kỹ năng lập kế hoạch, giám sát, đánh giá và huy động nguồn lực cộng đồng; đồng thời, có cơ chế thu hút, ổn định nguồn nhân lực chất lượng tại cơ sở.

*Thứ tư*, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý, giám sát và đánh giá Chương trình; xây dựng hệ thống dữ liệu đồng bộ, liên thông từ Trung ương đến địa phương nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, giảm chi phí quản lý, giảm chế độ báo cáo thủ công và tăng tính công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện.

*Thứ năm*, tiếp tục ban hành các cơ chế tăng cường phát huy vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng dân cư. Thành công của Chương trình không chỉ được đo bằng số lượng công trình hay tiêu chí hoàn thành mà quan trọng hơn là sự hài lòng của người dân, sự thay đổi chất lượng cuộc sống và khả năng tạo sinh kế bền vững cho người dân.

Từ thực tiễn triển khai tại thành phố Cần Thơ, chúng tôi nhận thấy rằng phân cấp, phân quyền không chỉ là sự chuyển giao nhiệm vụ giữa các cấp chính quyền mà còn là sự chuyển giao trách nhiệm, niềm tin và động lực phát triển. Khi địa phương được trao quyền đầy đủ, trách nhiệm được xác định rõ ràng và cơ sở được tạo điều kiện phát huy tính chủ động, nguồn lực sẽ được khơi thông nhanh hơn, chính sách sẽ đến gần người dân hơn và hiệu quả thực hiện Chương trình sẽ được nâng lên rõ rệt.

Với tinh thần đó, thành phố Cần Thơ cam kết tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết và tinh thần đổi mới, chủ động, sáng tạo để tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026 - 2030; đồng thời, mong muốn được kết nối, chia sẻ kinh nghiệm, phối hợp với các địa phương trong cả nước để cùng thực hiện thắng lợi các mục tiêu mà Quốc hội, Chính phủ và Nhân dân đã tin tưởng giao phó.

## **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

### **KẾT QUẢ CỤ THỂ HÓA BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ NTM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG**

Trải qua hơn 15 năm triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, diện mạo nông nghiệp, nông thôn và đời sống của người dân Việt Nam đã đạt được những bước tiến mang tính lịch sử. Bước vào giai đoạn chiến lược 2026 - 2030, Chương trình tiếp tục được khẳng định tầm vóc thông qua Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội và Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

Giai đoạn 2026 - 2030 đánh dấu một bước chuyển dịch chiến lược trong Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới trên phạm vi cả nước. Không còn dừng lại ở việc đáp ứng các hạ tầng cơ bản, xây dựng nông thôn mới giai đoạn này đòi hỏi chiều sâu về chất lượng, tính bền vững, sự thích ứng cao và khả năng tiệm cận đô thị.

#### **I. KẾT QUẢ CỤ THỂ HÓA, PHÂN NHÓM XÃ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**

Qua 15 năm triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới cho thấy: Bộ tiêu chí nông thôn mới là công cụ quan trọng để cụ thể hóa các mục tiêu xây dựng nông thôn mới; là căn cứ để thực hiện công tác lập kế hoạch và giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình, thẩm định, xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; là cơ sở để xác định vai trò, nhiệm vụ thực hiện Chương trình của các cơ quan, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; giúp các địa phương xác định được các mục tiêu, giải pháp phân đầu cụ thể, phù hợp với khả năng thực hiện và có sự quan tâm đầu tư hỗ trợ hài hòa trên các lĩnh vực phát triển nông thôn.

Trên cơ sở Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 29/4/2026, UBND tỉnh An Giang đã chính thức ký Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030. Việc ban hành văn bản pháp quy này thể hiện tư duy chủ động, sáng tạo và quyết liệt của địa phương, nhằm cụ thể hóa mục tiêu quốc gia thành những bước đi phù hợp với đặc thù vùng sông nước Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và địa bàn tỉnh An Giang nói riêng.

Nghiên cứu cấu trúc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND, kết quả lớn nhất mang tính đột phá của công tác cụ thể hóa chính là việc xóa bỏ tư duy “cào bằng” trong các tiêu chí công nhận. Cụ thể, tỉnh đã phân tách rõ ràng mục tiêu áp dụng cho 3 nhóm xã với hệ thống chỉ tiêu có độ dốc khoa học:

- *Xã nhóm 1 (các xã gắn liền với định hướng phát triển đô thị):* Đặt yêu cầu rất cao về hạ tầng đồng bộ. Ví dụ: Tại Tiêu chí 2 (*Giao thông*), 100% đường xã phải được thiết kế và đầu tư nâng cấp theo Tiêu chuẩn quốc gia về đường đô thị (TCVN 13592:2022), tỷ lệ cứng hóa đường thôn, ngõ xóm bắt buộc đạt tuyệt đối 100%.

- *Xã nhóm 2 (các xã có kinh tế xã hội phát triển trung bình):* Tiêu chuẩn áp dụng ở mức độ tiệm cận phù hợp với điều kiện phát triển. Ví dụ: Yêu cầu kỹ thuật giao thông theo chuẩn đường nông thôn (TCVN 10380:2014) với tỷ lệ cứng hóa ngõ xóm đạt  $\geq 90\%$ .

- *Xã nhóm 3 (Các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số):* Tiêu chí được thiết kế mang tính mở, vừa sức nhưng vững chắc. Ví dụ: Chỉ tiêu tỷ lệ nghèo đa chiều được nới rộng ở mức  $< 13\%$  (trong khi nhóm 1 và 2 yêu cầu nghiêm ngặt  $< 2\%$  và  $< 5\%$ ), nhằm đảm bảo an sinh xã hội thực chất, không áp lực thành tích.

- *Yếu tố “Xanh” và “Số” được đan cài sâu sắc* trong từng tiêu chí thành phần. Tại Tiêu chí 3 (*Phát triển kinh tế nông thôn*), quy định rõ việc bắt buộc xây dựng các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, kinh tế xanh hoặc tuần hoàn. Ở Tiêu chí 5 (*Văn hóa, Giáo dục, Y tế*), không đơn thuần là hội trường hay tủ sách truyền thống, mà 100% các xã phải nâng cấp Trung tâm học tập cộng đồng thành Trung tâm học tập số, nhằm góp phần hiện đại hóa đời sống người dân khu vực nông thôn.

- *Bộ tiêu chí giai đoạn 2026-2030 có sự nâng cao rõ rệt về yêu cầu và chất lượng:* Bộ tiêu chí bao quát đầy đủ 10 nhóm nội dung lớn, từ quy hoạch, hạ tầng, phát triển kinh tế, văn hóa - giáo dục - y tế, giảm nghèo, môi trường, hệ thống chính trị đến tiếp cận pháp luật, an ninh và quốc phòng. Trong đó, nhiều tiêu chí đã tiệm cận yêu cầu hiện đại như giao thông nông thôn theo chuẩn kỹ thuật, tỷ lệ hồ sơ công việc xử lý trên môi trường điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, mô hình thôn thông minh và camera AI giám sát an ninh.

## **II. PHÂN CÔNG RÕ RÀNG VÀ QUY ĐỊNH TRÁCH NHIỆM CỤ THỂ TRONG TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Quyết định 23/2026/QĐ-UBND đã thực hiện triệt để việc phân rõ trách nhiệm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các xã:

- *Sở Nông nghiệp và Môi trường:* Là cơ quan chủ quản đóng vai trò chủ trì, tham mưu chính cho UBND tỉnh trong việc đôn đốc, nhắc nhở các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới. Trực tiếp phụ trách 16 nội dung tiêu chí thuộc 5 tiêu chí (*Thủy lợi, Phòng chống thiên tai, Vùng nguyên liệu, OCOP, Làng nghề, Nước sạch, Môi trường...*).

- *Các Sở, ban, ngành tỉnh liên quan cùng các tổ chức đoàn thể như Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ* được phân công rõ từng nội dung phụ trách, tránh tình trạng đùn đẩy trách nhiệm khi thẩm tra, thẩm định hồ sơ.

- UBND các xã: Là cơ quan trực tiếp tổ chức thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới dưới sự hướng dẫn của các đơn vị cấp tỉnh, chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

Sự phân công trách nhiệm rõ ràng tạo ra cơ chế phối hợp liên ngành chặt chẽ và liên thông, giám sát chéo, giúp cho các UBND cấp xã định hướng rõ ràng và thuận lợi trong quá trình rà soát, xây dựng kế hoạch thực hiện, đảm bảo đạt chuẩn nông thôn mới đúng lộ trình đề ra.

### III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Từ quá trình nghiên cứu và xây dựng Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND, xuất phát từ góc độ thực tiễn để đưa ra 04 bài học kinh nghiệm cho tỉnh nói riêng và các địa phương đang triển khai xây dựng nông thôn mới trên cả nước nói chung:

*Một là, phải phân nhóm địa bàn để quy định bộ tiêu chí và tiêu chuẩn phù hợp.* Các địa phương cần rà soát lại quỹ đất, quy hoạch vùng và tốc độ đô thị hóa. Không thể ép một xã miền núi, biên giới thực hiện các tiêu chuẩn hạ tầng, cảnh quan giống như một xã vệ tinh ven đô thị. Việc phân nhóm như cách An Giang đang làm (*nhóm 1, 2, 3*) là chìa khóa để phân bổ nguồn lực công, xã hội hóa một cách tối ưu và công bằng.

*Hai là, chuyển dịch tư duy từ “Sản xuất nông nghiệp” sang “Kinh tế nông thôn bền vững”.* Xây dựng nông thôn mới 2026 - 2030 không thể chỉ nhìn vào năng suất lúa hay sản lượng cá. Các địa phương cần tập trung mạnh mẽ vào nội hàm Tiêu chí số 3: Phải có vùng nguyên liệu tập trung gắn với mã vùng trồng và liên kết chuỗi; lấy sản phẩm OCOP làm động lực thúc đẩy gắn với bình đẳng giới (*ưu tiên chủ thể nữ, đồng bào thiểu số điều hành*) và đẩy mạnh kinh tế tuần hoàn để bảo vệ môi trường nông thôn lâu dài.

*Ba là, chủ động xây dựng hệ thống minh chứng số và quy trình thẩm định liên thông từ sớm.* Tại Điều 3 của Quyết định, UBND tỉnh đã giao các sở, ngành ban hành hướng dẫn chi tiết và hồ sơ minh chứng cụ thể cho từng nhóm xã. Gợi mở cho các xã là cần phải chủ động tiếp cận, thiết lập hồ sơ dữ liệu điện tử, số hóa các chỉ tiêu ngay từ khi bắt đầu triển khai. Tránh tình trạng “*nước đến chân mới nhảy*”, hoàn thành công trình trên thực địa nhưng nợ nần tiêu chí trên văn bản hoặc hồ sơ minh chứng không hoàn chỉnh.

*Bốn là, phát huy vai trò chủ thể thực chất của người dân thông qua mô hình tự quản.* Chỉ tiêu 6.4 (*Tiêu chuẩn 5 không, 3 sạch, 3 an*) hay việc tổ chức thực hiện bảo trì đường giao thông nông thôn hàng năm đều cần sức dân. Các địa phương phải đổi mới phương thức tuyên truyền theo hướng thực tế. Khi người dân thấy được lợi ích cốt lõi (*như có nước sạch đạt quy chuẩn, có camera AI giám sát an ninh thôn xóm*), họ sẽ tự nguyện tham gia đóng góp.

*Năm là, công tác chỉ đạo của UBND tỉnh và phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành tỉnh đóng vai trò quan trọng, quyết định:* Tính đến ngày 30/3/2026, tỉnh chỉ nhận được văn bản hướng dẫn chính thức của 04 bộ, cơ quan Trung ương (*Bộ*

*Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Nội vụ, Bộ Công an và Hội Nông Dân Việt Nam), 07 đơn vị đã có dự thảo (Bộ Xây dựng, Bộ Công thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam) và còn lại 03 đơn vị chưa có dự thảo (Bộ Y tế, Bộ Tư pháp và Bộ Quốc phòng).*

Tuy nhiên, xác định vai trò cốt lõi của Bộ tiêu chí trong thực hiện xây dựng nông thôn mới, đây là cơ sở để các xã rà soát hiện trạng, đề xuất nhu cầu vốn, nguồn lực và xây dựng kế hoạch thực hiện (*đặc biệt các xã có lộ trình đạt chuẩn năm 2026*), UBND tỉnh An Giang đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh: Theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị phải chủ động nghiên cứu các nội dung tiêu chí, các quy định chuyên môn liên quan và đề xuất tiêu chuẩn phù hợp với từng nhóm xã trên địa bàn tỉnh. Tuyệt đối không trông chờ vào văn bản hướng dẫn của các bộ, cơ quan Trung ương làm chậm trễ, ảnh hưởng đến công tác triển khai thực hiện của các xã và của tỉnh.

Bên cạnh đó, sự nỗ lực và vai trò quan trọng của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tư pháp trong việc nghiên cứu, tham mưu quy trình ban hành Bộ tiêu chí vừa theo đúng quy định của pháp luật vừa phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Sự phối hợp và đồng thuận của các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh là yếu tố quan trọng giúp tỉnh sớm ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030.

Xây dựng nông thôn mới là một hành trình có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc. Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030 chính là một minh chứng cho thấy sự thay đổi mạnh mẽ về mặt tư duy quản lý. Bằng việc cụ thể hóa một cách khoa học, rõ ràng và nhân văn, chúng tôi kỳ vọng vào một diện mạo nông thôn tỉnh An Giang nói riêng và nông thôn Việt Nam nói chung không chỉ giàu đẹp về vật chất, mà còn văn minh, hiện đại và lưu giữ trọn vẹn bản sắc văn hóa dân tộc./.